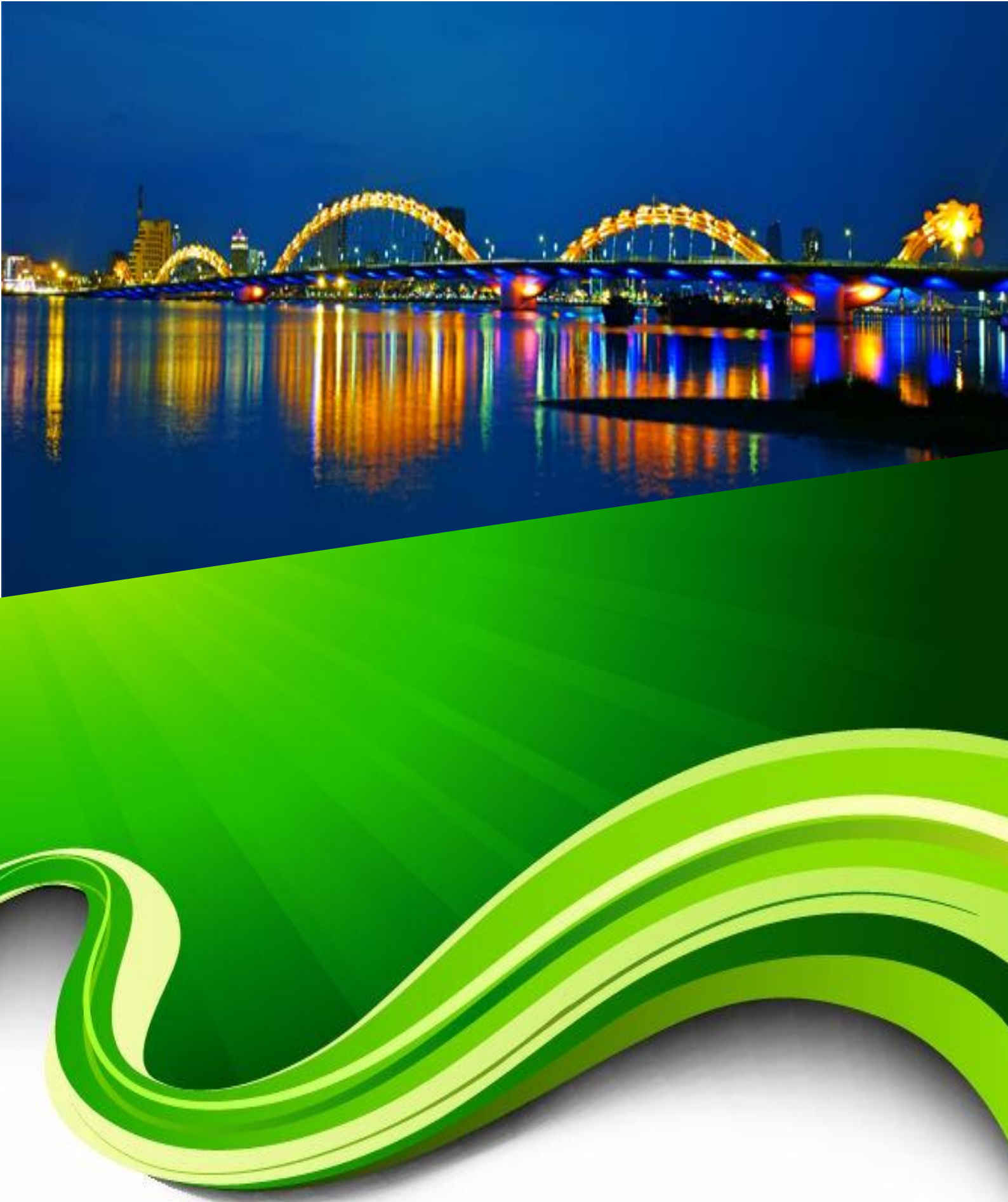




CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 471 Núi Thành, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Số điện thoại: 0511. 3622007



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2015

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG



CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG

MỤC LỤC



GIỚI THIỆU CÔNG TY



- **Tên giao dịch:** CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG ĐÔ THỊ ĐÀ NẴNG
- **Tên giao dịch quốc tế:** DANANG URBAN ENVIRONMENT JOINT STOCK COMPANY
- **Địa chỉ:** 471 Núi Thành, Phường Hòa Cường Nam, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
- **Số điện thoại:** 0511. 3622007
- **Số Fax:** 0511. 3642423
- **Website:** <http://www.moitruongdothidanang.com.vn/>
- **Email:** danangurenco@vnn.vn



- **Logo doanh nghiệp:** **DNURENCO**
- **Vốn điều lệ:** 57.736.000.000 đồng
- **Người đại diện theo pháp luật:** Ông Đặng Đức Vũ – Tổng Giám đốc
- **Giấy CNĐKDN:** số 0400228640 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 24/06/2010, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 01/10/2015.



THÔNG TIN CHUNG



- **Ngành nghề và địa bàn kinh doanh**
- **Thành tích và các giải thưởng đạt được**
- **Quá trình hình thành và phát triển**
- **Cơ cấu bộ máy quản lý**
- **Định hướng phát triển**
- **Các rủi ro**

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Ngành nghề

- Thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp, chất thải hàng hải, chất thải nguy hại, phế thải xây dựng và hầm cầu. Cung cấp dịch vụ vệ sinh công cộng, vỉa hè, đường phố, cống rãnh, ao hồ, đầm, trên sông, ven biển.
- Xử lý ô nhiễm môi trường các hệ thống sông, hồ, đầm, ao, vịnh biển và bờ biển. Xử lý các loại nước thải, nước nhiễm bẩn, nhiễm dầu. Xây dựng, sửa chữa, nạo vét mương cống, công trình xử lý nước thải và tháo dỡ các công trình xây dựng.
- Tư vấn lập các hồ sơ, thủ tục dự án trong lĩnh vực môi trường và tư vấn chuyển giao công nghệ sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh. Tư vấn thiết kế, xây dựng và đầu tư xây dựng các công trình xử lý chất thải, xử lý môi trường.
- Sản xuất và cung ứng các sản phẩm hoá, sinh, vi sinh trong xử lý môi trường, chăn nuôi, trồng trọt và nuôi trồng thủy sản.
- Kinh doanh các loại vật tư, thiết bị, hoá chất, vi sinh và các trang thiết bị liên quan đến lĩnh vực xử lý môi trường.

Địa bàn

Thành phố Đà Nẵng



Thành tích và các giải thưởng đạt được

- Chủ tịch nước tặng thưởng “Huân chương lao động hạng nhất” Quyết định số 424/2001/QĐ/CTN, ngày 28 tháng 5 năm 2001.
- Bằng khen của Bộ trưởng - Trưởng ban chỉ đạo Quốc gia về cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường theo QĐ số: 02/2001/BCĐ-QĐ ngày 25 tháng 4 năm 2001
- Cờ Thi đua của Tổng Liên Đoàn Lao Động Việt Nam theo QĐ số: 173/QĐ-TLĐ ngày 15 tháng 01 năm 2003, đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh năm 2002.
- Bộ Khoa học và Công nghệ tặng giải thưởng “Chất lượng Việt Nam năm 2004” quyết định số 2605/QĐ-BKHCN, ngày 22 tháng 12 năm 2004.
- Bằng khen của Liên Đoàn Lao Động Thành phố Đà Nẵng theo QĐ số: 71/QĐ-LĐLĐ ngày 20/7/2004, đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua chào mừng kỷ niệm 75 năm ngày thành lập Công Đoàn Việt Nam (28/7/1929 - 28/7/2004)
- Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng tặng bằng khen “Đã thực hiện tốt công tác khắc phục hậu quả cơn bão số 8 năm 2005” Quyết định số 9828 /QĐ-UB, ngày 22/12/2005.
- Bộ Tài nguyên và Môi trường tặng giải thưởng Môi trường năm 2006, Quyết định số 641/QĐ-BTNMT, ngày 11 tháng 5 năm 2006.
- Chủ tịch nước tặng thưởng “Huân chương Độc lập hạng ba” quyết định số 1460/QĐ/CTN, ngày 31 tháng 8 năm 2010.
- Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng tặng Cờ thi đua “Đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác, dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước của ngành Tài nguyên và Môi trường năm 2009” theo Quyết định số 626/QĐ-UB, ngày 22 tháng 01 năm 2010.
- Chủ tịch UBND TP Đà Nẵng tặng bằng khen “Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi 5 năm (2005-2010)” theo Quyết định số 2988/QĐ-UB, ngày 14 tháng 4 năm 2010.



Quá trình hình thành và phát triển

04/1975, Công ty Vệ sinh Đà Nẵng, tiền thân của Công ty Cổ phần Môi Trường Đô Thị Đà Nẵng, được thành lập từ việc tiếp quản Ty Vệ sinh của chế độ cũ.

1975



Công ty trực thuộc thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng.

1985



Tiến hành tách 03 Xí nghiệp của Công ty Công trình Đô thị thành phố Đà Nẵng như cũ và Công ty đổi tên thành Công ty Môi trường Đô thị thành phố Đà Nẵng, trực thuộc UBND thành phố Đà Nẵng, tỉnh Quảng Nam-Đà Nẵng.

1993



1976

Tháng 4 năm 1975, Công ty Vệ sinh Đà Nẵng, tiền thân của Công ty TNHH MTV Môi Trường Đô Thị Đà Nẵng, được thành lập từ việc tiếp quản Ty Vệ sinh của chế độ cũ.

1992

03 đơn vị Xí nghiệp Công trình Đô thị, Xí nghiệp Điện Chiếu sáng và Công ty Vệ sinh Đà Nẵng sáp nhập thành Công ty Công trình Đô thị Đà Nẵng.



Tháng
01/2008,
Công ty
trực thuộc
Sở Tài
nguyên và
Môi
trường
TP. Đà
Nẵng.

2008

Công ty hoàn
tất quá trình cổ
phần hóa và
chính thức
hoạt động theo
hình thức
Công ty cổ
phần từ ngày
01/10/2015.

2015



1997

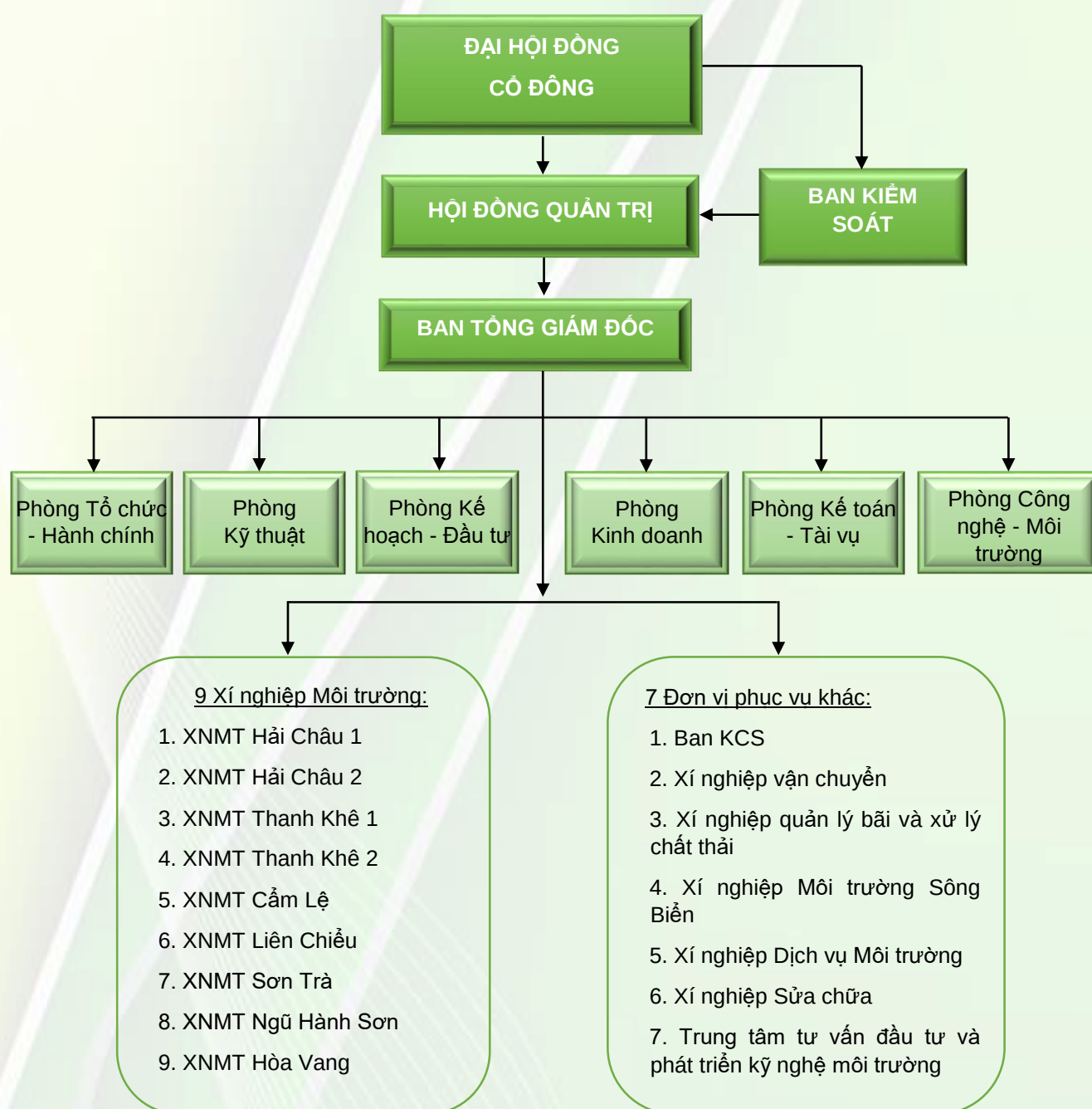
Do chia
tách tỉnh,
Công ty
trực thuộc
Sở Giao
thông
Công
chính TP.
Đà Nẵng.

2010

Công ty chuyển thành Công
ty TNHH MTV Môi trường
Đô thị Đà Nẵng theo Quyết
định số 3950/QĐ-UB ngày
26/5/2010 của UBND thành
phố Đà Nẵng. Công ty được
Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.
Đà Nẵng cấp Giấy
CNĐKDN số 0400228640
lần đầu ngày 24/06/2010.



Cơ cấu bộ máy quản lý



Các công ty con, công ty liên kết

Không có



Định hướng phát triển

- **Mục tiêu về thị trường:** Cần giữ vững thị trường đang hoạt động ổn định trên địa bàn thành phố Đà Nẵng, đồng thời nghiên cứu chuyển hướng phát triển thị trường sang các tỉnh lân cận cũng như trên toàn quốc về các mảng cung cấp dịch vụ vệ sinh môi trường với giá cả mang tính cạnh tranh, trong đó các mảng chú trọng là chất thải nguy hại, tái chế chất thải, tư vấn thiết kế các công trình liên quan đến môi trường.



- **Mục tiêu về lợi nhuận:**

- Thực hiện cải tiến hệ thống tổ chức, quản lý, đổi mới đầu tư công nghệ, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, nâng cao lợi nhuận, đảm bảo doanh thu và lợi nhuận tăng đều hàng năm cụ thể:
- Doanh thu trong giai đoạn từ năm 2016 - 2018 mức tăng trưởng đều bình quthu dịch vụ tăng 20% - 25%, phần đầu doanh thu loại hình này đến năm 2018 tỷ trọng chiếm từ 35% - 40% tổng doanh thu toàn Công ty.
- Lợi nhuận trong giai đoạn này phần đầu tăng trưởng đều bình quân hằng năm từ 15% đến 20% đảm bảo ổn định đời sống, thu nhập cho CB.CNV.



Định hướng sản xuất kinh doanh

- Tiếp tục phát triển mạng lưới dịch vụ công cộng ra các khu vực thị trấn, thị tứ thuộc huyện Hoà Vang dựa theo tiêu chí nông thôn mới để khai thác.
- Trong các hoạt động của Công ty, phải xem lĩnh vực nhận đặt hàng phục vụ vệ sinh đô thị với thành phố là lĩnh vực then chốt, lâu dài, có tính chất quyết định đến yếu tố thành công, phát triển hoặc thất bại của Công ty.
- Đề nghị cơ quan chức năng tham mưu thành phố điều chỉnh đơn giá vệ sinh môi trường đô thị trên cơ sở giá tại thời điểm (đặc biệt là giá nguyên vật liệu xử lý rác thải) nhằm hạn chế mặt trượt giá do thời gian làm ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Đồng thời xây dựng trình dự toán thu chi đối với hạng mục thu gom vận chuyển rác sinh hoạt trên toàn địa bàn thành phố (sử dụng từ nguồn thu phí vệ sinh) để thẩm định phê duyệt làm cơ sở tính đúng và đủ kinh phí để thực hiện, nếu thâm hụt đề nghị thành phố bù chênh lệch đảm bảo hoạt động của Công ty giảm lỗ trong hạng mục công việc này (do quy định mức phí công ích không phải mức giá dịch vụ).
- Xem xét đầu tư có trọng điểm để nâng cao khả năng cạnh tranh của mảng dịch vụ vệ sinh có nguồn thu không từ ngân sách nhà nước. Đưa doanh thu dịch vụ chiếm tỉ trọng khoảng 15% tổng doanh thu Công ty năm 2015 và đến năm 2017 chiếm từ 35 - 40% tỷ trọng doanh thu toàn Công ty; tiến đến doanh thu dịch vụ là nguồn thu quan trọng góp phần đáng kể vào lợi nhuận Công ty và nâng cao đời sống người lao động.





Các rủi ro

Rủi ro kinh tế

Theo số liệu của Tổng cục thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2015 tăng 6,68% so với năm 2014, cao hơn mục tiêu 6,20% đề ra và cao hơn mức tăng của các năm 2011 – 2014. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2015 tăng 0,63% so với bình quân năm 2014, là mức tăng thấp nhất trong 14 năm trở lại đây, đồng thời lạm phát được kiểm soát ở mức thấp cho thấy sự phục hồi rõ nét của nền kinh tế trong nước. Là Công ty hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công ích, Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng ít bị tác động bởi những rủi ro kinh tế, tuy nhiên, đối với một quốc gia ngày càng phát triển thì vấn đề môi trường sẽ ngày càng được chú trọng, do đó, cơ hội để các doanh nghiệp ngành môi trường phát triển các dịch vụ của mình là rất lớn.

Rủi ro pháp luật

Hoàn tất quá trình cổ phần hóa và chính thức hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần từ ngày 01/10/2015, hoạt động của Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng chịu sự ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản luật liên quan. Trong quá trình sửa đổi và hoàn thiện, sự thay đổi về chính sách, pháp luật sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty.



Rủi ro đặc thù ngành

Giá cả nguyên vật liệu là nhân tố tác động trực tiếp tới chi phí và lợi nhuận của Công ty, chi phí nguyên vật liệu sử dụng trong hoạt động của Công ty tăng nhanh, trong khi giá thành sản phẩm, dịch vụ và đơn giá thực hiện phụ thuộc vào khung quy định của các cơ quan ban ngành đối với các dịch vụ công ích. Những mức giá này thường không theo kịp với mức tăng trong chi phí đầu vào của Công ty và sẽ gây ảnh hưởng tới lợi nhuận.

Bên cạnh đó, là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực vệ sinh môi trường, Công ty chịu tác động trực tiếp của yếu tố khí hậu. Tình hình thời tiết diễn biến phức tạp sẽ làm ảnh hưởng đến việc tiếp nhận và xử lý rác thải, gây gián đoạn hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro khác

Các rủi ro khác như chiến tranh, thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh là những rủi ro bất khả kháng, mặc dù hiếm khi xảy ra, nhưng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn về tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty. Đây là những rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể giảm thiểu. Vì vậy, Công ty thường xuyên nắm bắt kịp thời thông tin và đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng cháy chữa cháy v.v....



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



- **Danh sách Hội đồng quản trị**
- **Danh sách Ban kiểm soát**
- **Danh sách Ban giám đốc**
- **Cơ cấu nhân sự Công ty**

Danh sách HĐQT

STT	Họ và tên	Chức danh	Ghi chú
1	Nguyễn Thanh Hùng	Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
2	Đặng Đức Vũ	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT điều hành
3	Võ Minh Đức	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT điều hành
4	Phạm Trung Thành	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành
5	Nguyễn Văn Tuấn	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành



Tóm tắt sơ yếu lý lịch**Ông Nguyễn Thanh Hùng- Chủ tịch HĐQT****Ngày sinh:** 01/01/1966**Số CMND:** 200824039**Cấp ngày:** 17/12/2015**Nơi cấp:** Công An Đà Nẵng**Dân tộc:** Kinh**Quốc tịch:** Việt Nam**Quê quán:** P. Hòa Hiệp nam, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng**Nơi ở hiện tại:** Tổ 52, P. Hòa Hiệp Nam, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng**Số điện thoại:** 0913413027**Trình độ:**

- Văn hóa: 12/12
- Chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh A
- Lý luận chính trị: Cao cấp

Ngày vào Đảng Cộng sản: 27/12/2002**Ngày chính thức:** 27/12/2003**Chức vụ hiện nay tại công ty :** Chủ tịch Hội đồng Quản trị**Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:** Không có**Quá trình công tác:**

- **1993:** Cán bộ Thanh tra Nhà nước Huyện Hiên, tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng (cũ).
- **1994:** Làm kinh tế gia đình tại nhà.
- **1995 – 1996:** Nhân viên Chi nhánh vật tư và thiết bị toàn bộ công nghiệp khu vực miền Trung, đóng tại 57 Phan Châu Trinh, TP Đà Nẵng
- **1997 – 2001:** Nhân viên phòng Kế hoạch Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng, 471 Núi Thành, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng.
- **2002 – 2003:** Giám đốc Điều vận Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng.
- **2004 – 2009:** Trưởng phòng Kế hoạch – Đầu tư Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng.
- **2009 – 9/2015:** Phó Tổng Giám đốc Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng. Tháng 6/2015: Bí thư Đảng ủy Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng.
- **10/2015- nay:** Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng.

Số lượng cổ phần nắm giữ: 995.778 cổ phần, chiếm 17,25% vốn điều lệ, trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 14.866 cổ phần, chiếm 0,26% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu của UBND TP Đà Nẵng: 981.512 cổ phần, chiếm 17,00% vốn điều lệ.

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan:

Họ và tên	Quan hệ	Số lượng CP	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
Nguyễn Thanh Đông	Em ruột	1.200	0,021%
Nguyễn Thị Mỹ Hoa	Chị ruột	1.300	0,022%

Ông Đặng Đức Vũ – Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc

Ngày sinh: 08/01/1970

Số CMND: 201110679

Dân tộc: Kinh

Quê quán: P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng

Nơi ở hiện tại: Tổ 47, P. Khuê Trung, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng

Số điện thoại: 0905697123

Trình độ:

- Văn hóa: 12/12
- Chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí động lực, Cử nhân Quản trị Kinh doanh
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh C
- Lý luận chính trị: Sơ cấp

Ngày vào Đảng Cộng sản: 19/05/2011

Ngày chính thức: 19/05/2012

Chức vụ hiện nay tại công ty : Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

- **10/1993 – 12/1999:** Phó phòng Kỹ thuật, thiết bị - vật tư Nhà máy Bia Khuê Trung, Công ty thực phẩm Minh Anh, Đà Nẵng.
- **01/2000 – 01/2005:** Phó phòng Kỹ thuật Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng
- **02/2005 – 10/2007:** Trưởng phòng KHKH Xí nghiệp thoát nước thuộc Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng
- **11/2007 – 02/2010:** Phó Giám đốc Xí nghiệp thoát nước thuộc Công ty Quản lý sửa chữa công trình Giao thông và Thoát nước Đà Nẵng
- **03/2010 – 09/2015:** Phó Giám đốc Công ty Thoát nước và Xử lý nước thải Đà Nẵng
- **10/2015 - nay:** Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng.

Số lượng cổ phần nắm giữ: 981.512 cổ phần, chiếm 17% vốn điều lệ, trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu của UBND TP Đà Nẵng: 981.512 cổ phần, chiếm 17% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan:

Họ và tên	Quan hệ	Số lượng CP	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
Đặng Thị Thu Hà	Vợ	1.000	0,017%



Ông Võ Minh Đức – Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc

Ngày sinh: 14/06/1972

Số CMND: 201245671

Cấp ngày: 07/04/2009

Nơi cấp: Công An Đà Nẵng

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: P. Hòa Quý, Q. Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng

Nơi ở hiện tại: 256/12 Trưng Nữ Vương, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Số điện thoại: 0913452639

Trình độ:

- Văn hóa: 12/12
- Chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh B
- Lý luận chính trị: Cao cấp

Ngày vào Đảng Cộng sản: 19/05/2008

Ngày chính thức: 19/05/2009

Chức vụ hiện nay tại công ty : Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

- **09/1995 – 04/2002:** Công tác tại phòng Kế toán Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng
- **05/2002 – 04/2005:** Đội trưởng Đội Môi trường số 2, Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng
- **05/2005 – 07/2005:** Phó Giám đốc Trung tâm Dịch vụ vệ sinh đô thị Q. Thanh Khê, Công ty Môi trường đô thị Đà Nẵng
- **08/2005 – 12/2005:** Quyền Giám đốc Trung tâm Dịch vụ vệ sinh đô thị Q. Thanh Khê, Công ty Môi trường đô thị Đà Nẵng
- **01/2006 – 06/2006:** Giám đốc Trung tâm Dịch vụ vệ sinh đô thị Q. Thanh Khê
- **07/2006 – 06/2011:** Giám đốc Xí nghiệp Môi trường Thanh Khê
- **07/2011 – 09/2015:** Đảng ủy viên, Bí thư chi bộ, Trưởng phòng Kế hoạch – Đầu tư Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng.
- **10/2015 - nay:** Thành viên Hội đồng Quản trị, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng.

Số lượng cổ phần nắm giữ: 985.412 cổ phần, chiếm 17,068% vốn điều lệ, trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 3.900, chiếm 0,068% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu của UBND TP Đà Nẵng: 981.512 chiếm 17% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: Không có

Ông Phạm Trung Thành – Thành viên HĐQT, Chủ tịch Công đoàn

Ngày sinh: 06/06/1980

Số CMND: 201442455

Cấp ngày: 30/03/2010

Nơi cấp: Công An Đà Nẵng

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: P. Hòa Hải, Q. Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng

Nơi ở hiện tại: 24 Hàn Thuyên, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Số điện thoại: 0905054449

Trình độ:

- Văn hóa: 12/12
- Chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh B
- Lý luận chính trị: Trung cấp

Ngày vào Đảng Cộng sản: 13/12/2004

Ngày chính thức: 13/12/2005

Chức vụ hiện nay tại công ty: Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Chủ tịch Công đoàn

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

- **06/2001 – 3/2004:** Nhân viên, công tác tại Trung tâm thoát nước thuộc Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng
- **04/2004 – 2011:** Phó Giám đốc Xí nghiệp Dịch vụ Môi trường số 1, Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng
- **2011 – 2012:** Phó Giám đốc Xí nghiệp Môi trường Hải Châu 1, Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng
- **11/2012 – 07/2015:** Phó Chủ tịch Công đoàn, cán bộ chuyên trách Công đoàn Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng.
- **8/2015:** Chủ tịch Công đoàn Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng.
- **10/2015 - nay:** Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng

Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ, trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan:

Họ và tên	Quan hệ	Số lượng CP	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
Phạm Hùng Thái	Em ruột	400	0,007%



Ông Nguyễn Văn Tuấn – Thành viên HĐQT độc lập**Ngày sinh:** 16/04/1970**Số CMND:** 024470926**Dân tộc:** Kinh**Quê quán:** Quảng Nam**Cấp ngày:** 13/12/2005**Quốc tịch:** Việt Nam**Nơi cấp:** Công An Đà Nẵng**Nơi ở hiện tại:** S33, Bàu Cát, P.14, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh**Số điện thoại:** 0909320320**Trình độ:**

- Văn hóa: 12/12
- Chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh B

Chức vụ hiện nay tại công ty : Thành viên Hội đồng Quản trị**Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:**

- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Môi trường Việt Nam, TP Đà Nẵng
- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Truyền hình cáp Sông Thu, TP Đà Nẵng
- Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Thu, TP Hồ Chí Minh
- Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH An Thiên Phú, TP Đà Nẵng
- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Sữa Mỹ, TP Hồ Chí Minh

Quá trình công tác:

- **09/2000 – nay:** Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Thu
- **2002 – nay:** Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Truyền hình Cáp Sông Thu
- **2008 – nay:** Phó Chủ tịch thường trực Hội Doanh nghiệp Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
- **2008 – 2013:** Ủy viên BCH Ủy ban MTTQVN Q. Tân Bình nhiệm kì X (2008 – 2013)
- **2008 – 2011:** Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Doanh nhân Tân Bình
- **2009 – nay:** Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Môi trường Việt Nam
- **2009 – nay:** Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH An Thiên Phú
- **2010 – nay:** Chủ tịch Hội đồng Quản lý Quỹ Hỗ trợ sinh viên nghèo hiếu học Duy Xuyên – Quảng Nam
- **01/2011 – 2014:** Phó Chủ tịch Hội đồng hương Quảng Nam tại TP. Hồ Chí Minh
- **2013 – nay:** Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Sữa Mỹ
- **8/2015:** Chủ tịch Hội đồng hương Quảng Nam tại TP. Hồ Chí Minh
- **10/2015 - nay:** Thành viên Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng

Số lượng cổ phần nắm giữ: 1.143.193 cổ phần, chiếm 19,8% vốn điều lệ, trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 372.706 cổ phần, chiếm 6,46% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu của Công ty cổ phần Môi trường Việt Nam: 771.987 cổ phần, chiếm 13,37% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan:

Họ và tên	Quan hệ	Số lượng CP	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Môi trường Việt Nam	Giám đốc	771.987	13,37%

Danh sách Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Trương Thị Minh Tuệ	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Võ Thị Huỳnh Trang	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Đặng Thị Mỹ Hào	Thành viên Ban Kiểm soát



Tóm tắt sơ yếu lý lịch thành viên BKS

Bà Trương Thị Minh Tuệ - Trưởng BKS

Ngày sinh: 27/02/1975

Số CMND: 201340182

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Duy Xuyên, Quảng Nam

Nơi ở hiện tại: 216 Ngũ Hành Sơn, Q. Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng

Số điện thoại: 0905194242

Trình độ:

- Văn hóa: 12/12
- Chuyên môn: Cử nhân Kế toán
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh
- Lý luận chính trị: Cao cấp

Ngày vào Đảng Cộng sản: 03/02/2005

Ngày chính thức: 03/02/2006

Chức vụ hiện nay tại công ty : Trưởng Ban Kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không có

Quá trình công tác:

- **1997 – 07/2010:** Công tác tại phòng Kế toán – Tài vụ, Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng
- **08/2010 – 09/2015:** Phó phòng Kế toán – Tài vụ, Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng
- **10/2015 - nay:** Trưởng Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng

Số lượng cổ phần nắm giữ: 3.700 cổ phần, chiếm 0,064% vốn điều lệ, trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 3.700 cổ phần, chiếm 0,064% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan: Không có

Bà Võ Thị Huỳnh Trang – Thành viên BKS

Ngày sinh: 02/08/1975

Số CMND: 241308870

Cấp ngày: 03/10/2008

Nơi cấp: Công An Đắk Lắk

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Duy Vinh, Duy Xuyên, Quảng Nam

Nơi ở hiện tại: 18/51 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng

Số điện thoại: 0913437227

Trình độ:

- Văn hóa: 12/12
- Chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Ngoại ngữ
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh

Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Thành viên Ban Kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Trưởng phòng Tài chính – Kế toán Công ty CP Môi trường Việt Nam

Quá trình công tác:

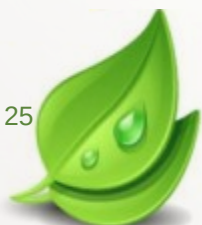
- **1998 – 2001:** Phó Văn phòng hướng dẫn tham quan du lịch Hội An
- **2002 – 2003:** Nhân viên kế toán Công ty CP Vinaconex Quyết Thắng trực thuộc Tổng Công ty CP Vinaconex – Bộ Xây dựng
- **2004 – 2005:** Phó phòng Tài chính – Kế toán Công ty CP Vinaconex Quyết Thắng trực thuộc Tổng Công ty CP Vinaconex – Bộ Xây dựng
- **2006 – 7/2012:** Trưởng phòng Tài chính – Kế toán Công ty CP Vinaconex Quyết Thắng trực thuộc Tổng Công ty CP Vinaconex – Bộ Xây dựng
- **8/2012 – nay:** Trưởng phòng Tài chính – Kế toán Công ty CP Môi trường Việt Nam
- **10/2015:** Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng

Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ, trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan:

Họ và tên	Quan hệ	Số lượng CP	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Môi trường Việt Nam	Trưởng phòng Tài chính – Kế toán	771.987	13,37%



Bà Đặng Thị Mỹ Hào – Thành viên BKS

Ngày sinh: 09/10/1976

Số CMND: 201440141

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Cát Tường, huyện Phù Cát, Tỉnh Bình Định

Nơi ở hiện tại: Tổ 80, P. Hòa Cường Nam, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Số điện thoại: 0918345409

Trình độ:

- Văn hóa: 12/12
- Chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế, Cử nhân Ngoại ngữ
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh

Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Thành viên Ban Kiểm soát

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:

Phó Trưởng phòng Kinh tế tổng hợp, Văn phòng UBND TP. Đà Nẵng

Thành viên HĐQT của Công ty TNHH MTV Cấp nước Đà Nẵng

Quá trình công tác:

- **10/1998 – 6/2002:** Công tác tại Công ty CP Sông Đà 19
- **7/2002 – 8/2003:** Phó Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch Công ty CP Sông Đà 19
- **8/2003 – 6/2008:** Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch Công ty CP Sông Đà 19
- **10/2008 – 8/2009:** Công tác tại Văn phòng UBND TP. Đà Nẵng
- **8/2009 – nay:** Phó Trưởng phòng Kinh tế tổng hợp, Văn phòng UBND TP. Đà Nẵng
- **7/2010 – nay:** Thành viên HĐQT của Công ty TNHH MTV Cấp nước Đà Nẵng
- **10/2015 – nay:** Thành viên Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng

Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ.

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Danh sách Ban giám đốc

STT	Họ và tên	Chức danh
1	Đặng Đức Vũ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2	Võ Minh Đức	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
3	Trần Văn Tiên	Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Xí nghiệp Dịch vụ Môi trường
4	Phạm Quang Sáng	Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kinh doanh
5	Đỗ Văn Tài	Kế toán trưởng

Tóm tắt sơ yếu lý lịch

Ông Đặng Vũ Đức – Tổng Giám đốc

Thông tin đã được đề cập tại mục Cơ cấu, thành phần HĐQT

Ông Võ Minh Đức – Phó Tổng giám đốc

Thông tin đã được đề cập tại mục Cơ cấu, thành phần HĐQT



Ông Trần Văn Tiên – Phó Tổng giám đốc**Ngày sinh:** 15/05/1961**Số CMND:** 200297476**Cấp ngày:** 28/02/2015**Nơi cấp:** Công An Đà Nẵng**Dân tộc:** Kinh**Quốc tịch:** Việt Nam**Quê quán:** Xã Phước Đại, H. Duy Xuyên, Quảng Nam**Nơi ở hiện tại:** H9/03 K233 Trưng Nữ Vương, P. Hòa Thuận Đông, Q. Hải Châu, TP Đà Nẵng**Số điện thoại:** 0903 583752**Trình độ:**

- Văn hóa: 12/12
- Chuyên môn: Cử nhân Quản trị Kinh doanh
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh B
- Lý luận chính trị: Sơ cấp

Ngày vào Đảng Cộng sản: 22/05/2008**Ngày chính thức:** 22/05/2009**Chức vụ đang nắm giữ tại công ty:** Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Xí nghiệp Dịch vụ Môi trường**Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác:** Không**Quá trình công tác:**

- **8/1979 – 11/1983:** Trung sĩ – Tiểu đội trưởng E810, F342 Quân khu IV
- **12/1983 – 5/1985:** Học văn hóa, làm thợ tự do.
- **5/1985 – 10/1989:** Cán bộ Phòng Tổ chức Công ty Vệ sinh Đà Nẵng
- **10/1986 – 5/1996:** Bí thư Đoàn Thanh niên Công sản Hồ Chí Minh, Công ty Vệ sinh Đà Nẵng
- **11/1989 – 3/1992:** Đội trưởng đội Vệ sinh Môi trường TP Đà Nẵng
- **1993 – 2003:** Đội trưởng đội Môi trường số 4, Công ty Môi trường Đô thị TP Đà Nẵng
- **2003 – 12/2008:** Trải qua các chức vụ Phó phòng Kế hoạch, Trưởng phòng KCS Môi trường, Trưởng phòng Kinh doanh, Công ty Môi trường Đô thị TP Đà Nẵng
- **01/2009 – 01/2016:** Giám đốc Xí nghiệp Xử lý chất thải nguy hại, Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng
- **01/2016:** Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Xí nghiệp Dịch vụ Môi trường, Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng

Số lượng cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần, chiếm 0 vốn điều lệ.

- Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan:

Họ và tên	Quan hệ	Số lượng CP	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
Nguyễn Thị Bích Thảo	Vợ	1600	0,028%



Ông Phạm Quang Sáng – Phó Tổng giám đốc

Ngày sinh: 05/10/1961

Số CMND: 201244885

Cấp ngày: 23/04/2009

Nơi cấp: Công An Đà Nẵng

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Quê quán: Xã Quế Phú, H. Quế Sơn, Quảng Nam

Nơi ở hiện tại: 20 Đặng Thai Mai, P. Thạc Gián, Q. Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Số điện thoại: 0912 491603

Trình độ:

- Văn hóa: 12/12
- Chuyên môn: Kỹ sư Quản lý doanh nghiệp công nghiệp
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh B
- Lý luận chính trị: Cử nhân

Ngày vào Đảng Cộng sản: 24/09/1983

Ngày chính thức: 24/09/1984

Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kinh doanh

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

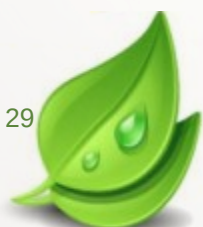
- **10/1978 – 12/1983:** Đi bộ đội tại Huyện đội Quế Sơn, sau đó điều động về D75, học nghiệp vụ thông tin tại đại đội thông tin. Tháng 5/1980 được điều về Ban Thông tin Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng. Tháng 5/1983 học sĩ quan dự bị tại Trường Quân chính Quân khu V
- **01/1984 – 5/1989:** Chuyên viên phòng Tổ chức Sở Công nghiệp tỉnh Quảng Nam – Đà Nẵng. Trong thời gian này học tại Trường Đại học Bách Khoa Đà Nẵng (1986 – 1991)
- **5/1989 – 10/2007:** Trưởng phòng Tổ chức Hành chính, Công ty Hữu Nghị Đà Nẵng
- **4/2008 – 8/2009:** Trưởng phòng Tổ chức Hành chính Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng
- **9/2009 – 1/2016:** Trưởng phòng Kinh doanh Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng
- **1/2016:** Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng

Số lượng cổ phần nắm giữ: 3.500 cổ phần, chiếm 0,061% vốn điều lệ.

- Sở hữu cá nhân: 3.500 cổ phần, chiếm 0,061% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu cổ phần của những người liên quan:

Họ và tên	Quan hệ	Số lượng CP	Tỷ lệ/Vốn điều lệ
Phạm Phúc Ánh	Anh ruột	4.000	0,069%



Ông Đỗ Văn Tài – Kế toán trưởng

Ngày sinh: 30/01/1968

Số CMND: 200913737

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Phú Gia, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định

Nơi ở hiện tại: 126/3 Ông Ích Khiêm, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng

Số điện thoại: 0913430115

Cấp ngày: 05/09/2008

Quốc tịch: Việt Nam

Nơi cấp: Công An Đà Nẵng

Trình độ:

- Văn hóa: 12/12
- Chuyên môn: Cử nhân Kế toán, Kỹ sư Điện tử - Tin học
- Ngoại ngữ: Tiếng Anh B
- Lý luận chính trị: Cao cấp

Ngày vào Đảng Cộng sản: 06/12/2008

Ngày chính thức: 06/12/2009

Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Kế toán trưởng

Chức vụ đang nắm giữ ở tổ chức khác: Không

Quá trình công tác:

- **9/1992 – 3/1993:** Làm cộng tác viên cho Công ty Dịch vụ Tư vấn Đầu tư Quảng Nam – Đà Nẵng.
- **4/1994 – 5/2002:** Làm kế toán viên và phụ trách kế toán chi nhánh tại Công ty Phát triển và Kinh doanh nhà Quảng Nam – Đà Nẵng.
- **5/2002 – 6/2005:** Kế toán viên tại Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng.
- **6/2005 – 6/2010:** Phó Trưởng phòng Kế toán – Tài vụ Công ty Môi trường Đô thị Đà Nẵng.
- **7/2010 – nay:** Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng, sau này là Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng.

Số lượng cổ phần nắm giữ: 4000 cổ phần, chiếm 0,069% vốn điều lệ.

- Sở hữu cá nhân: 4.000 cổ phần, chiếm 0,069% vốn điều lệ
- Đại diện sở hữu: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Cơ cấu nhân sự

STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
A	Theo trình độ chuyên môn		
1	Đại học, sau đại học	215	18,84%
2	Cao đẳng, Trung cấp	57	5,00%
3	Công nhân kỹ thuật	62	5,43%
4	Lao động phổ thông	807	70,73%
B	Theo công việc		
1	Gián tiếp	328	28,75%
2	Trực tiếp	813	71,25%
C	Theo giới tính		
1	Nam	624	54,69%
2	Nữ	517	45,31%

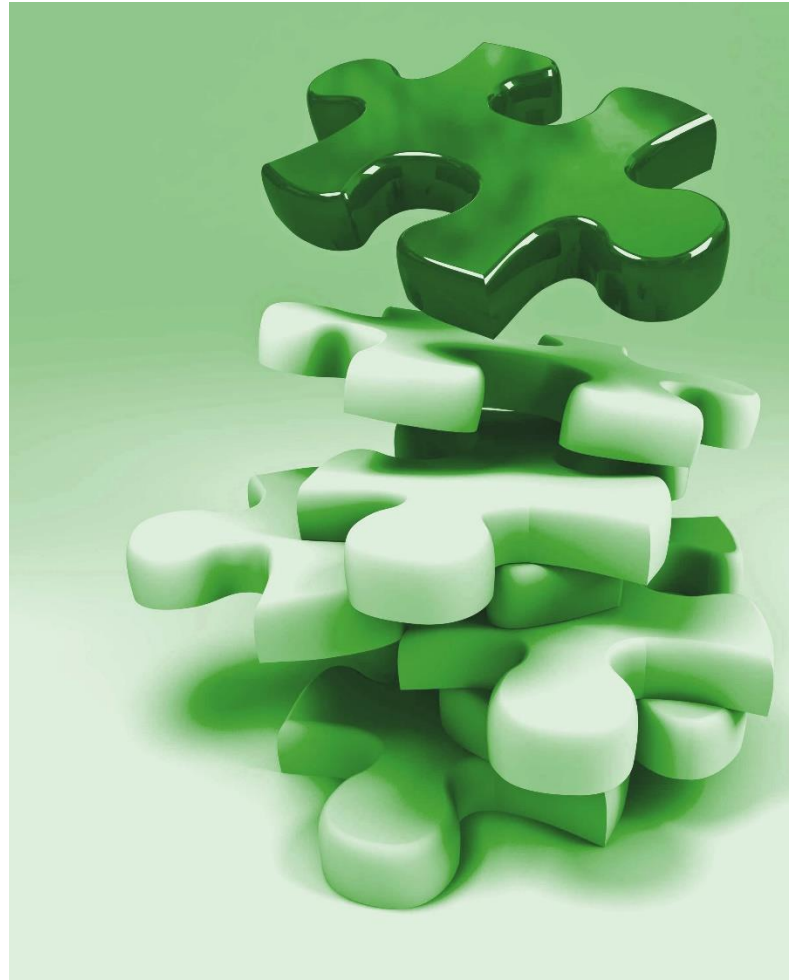
(tính đến ngày 31/01/2016)

Mức lương bình quân (đồng/ tháng)	
Năm 2013	3.120.000
Năm 2014	3.562.000
Năm 2015	4.800.000



Chính sách liên quan đến người lao động

- Tất cả nhân viên Công ty đều được ký hợp đồng lao động theo đúng quy định của pháp luật. Mọi quyền lợi của người lao động đều được đảm bảo theo đúng những quy định tại Luật lao động.
- Về an toàn lao động: Phương tiện và công cụ lao động luôn được trang bị đầy đủ và đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn an toàn cho người lao động. Đối với những công việc có yếu tố nguy hiểm, độc hại, người lao động đều được trang bị các thiết bị bảo hộ lao động chuyên dụng, phù hợp, đảm bảo an toàn.
- Về an toàn vệ sinh viên: Tại mỗi đơn vị trực thuộc, Công ty thiết lập mạng lưới an toàn vệ sinh viên nhằm mục đích nâng cao chất lượng hoạt động, đảm bảo an toàn vệ sinh lao động. Tùy theo số lượng lao động mà có từ 2 – 3 an toàn vệ sinh viên tại mỗi đơn vị trực thuộc.
- Về bảo hiểm cho người lao động: Công ty cam kết thực hiện các gói bảo hiểm như BHXH, BHYT, BHTN,... theo quy định của Pháp luật cho toàn bộ người lao động được Công ty ký hợp đồng.
- Về chăm sóc sức khỏe người lao động: Công ty tổ chức chương trình khám sức khỏe định kỳ cho lao động trực tiếp hàng năm. Theo đó, trong năm vừa qua, Công ty đã thực hiện hơn 300 lượt khám sức khỏe cho lực lượng lao động trực tiếp.
- Chế độ, chính sách khác: Công ty luôn quan tâm đến đời sống vật chất lẫn tinh thần của người lao động và tạo điều kiện thuận lợi cho CB.CNV làm việc. Cụ thể, hàng năm Công ty tổ chức thăm hỏi CB.CNV có việc ma chay, hiếu, hỷ; đến thăm và vận động quyền góp giúp đỡ cho các gia đình CB.CNV có hoàn cảnh khó khăn... Ngoài ra, công ty còn tổ chức tham quan nghỉ mát hàng năm, tổ chức các hoạt động phong trào văn hóa, thể thao... nhằm giúp nâng cao đời sống tinh thần người lao động.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH



- Tình hình hoạt động kinh doanh trong năm
- Tình hình đầu tư thực hiện các dự án
- Tình hình tài chính
- Cơ cấu cổ đông và tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- Báo cáo liên quan đến môi trường và xã hội

Tình hình hoạt động kinh doanh trong năm

STT	Chỉ tiêu	TH2014	TH2015	TH2015/ TH2014
1	Doanh thu thuần	160.502	184.949	115,23%
2	Giá vốn hàng bán	163.058	173.607	106,47%
3	Lợi nhuận gộp	-2.556	11.342	
4	Doanh thu hoạt động tài chính	69	282	408,70%
5	Chi phí tài chính	86	38	44,19%
6	Chi phí bán hàng	0	0	
7	Chi phí quản lý doanh nghiệp	9.444	9.502	100,61%
8	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-12.017	2.084	
9	Lợi nhuận khác	14	2	14,29%
10	Lợi nhuận trước thuế	-12.003	2.086	
11	Thuế TNDN	-	263	
12	Lợi nhuận sau thuế	-12.003	1.823	

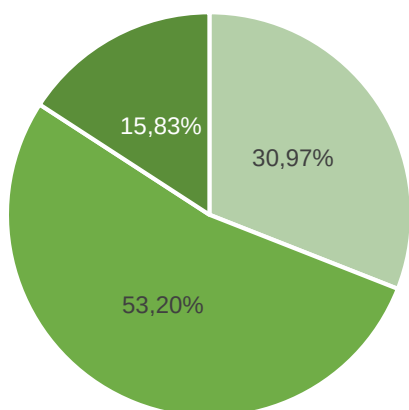
*Chú ý: kết quả kinh doanh năm 2014 được lấy từ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014 là năm Công ty vẫn hoạt động dưới mô hình Công ty TNHH và kết quả kinh doanh năm 2015 là tổng hợp kết quả của Báo cáo tài chính kiểm toán cho giai đoạn từ 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015.

Cơ cấu doanh thu

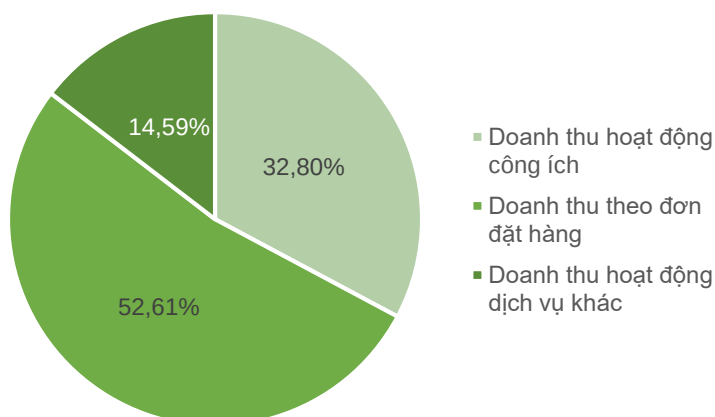
Chỉ tiêu	Năm 2014		Năm 2015	
	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Doanh thu hoạt động công ích	49.702	30,97%	60.663	32,80%
Doanh thu theo đơn đặt hàng	85.385	53,20%	97.310	52,61%
Doanh thu hoạt động dịch vụ khác	25.415	15,83%	26.976	14,59%
Tổng cộng	160.502	100,00%	184.949	100,00%



Cơ cấu doanh thu năm 2014



Cơ cấu doanh thu năm 2015



Do Công ty mới chuyển đổi từ mô hình Công ty TNHH sang mô hình Công ty cổ phần từ 01/10/2015, nên chính sách kế toán áp dụng cho năm 2014 và 2015 có sự không đồng nhất, do đó việc so sánh thay đổi qua các năm là không hợp lý và khó có thể thực hiện được.

Nhìn chung tình hình hoạt động kinh doanh năm 2015 có nhiều chuyển biến tích cực, đặc biệt là kể từ sau khi cổ phần hóa. Doanh thu thuần đạt cao, gần 185 tỷ đồng. Xét về mặt cơ cấu, không có mấy thay đổi so với năm 2015. Phần lớn doanh thu đến từ đơn đặt hàng chiếm tỷ trọng 52,61% với doanh số đạt 97,3 tỷ đồng. Tiếp theo là doanh thu hoạt động công ích đạt 60,7 tỷ đồng, chiếm 32,8% tổng doanh thu và 14,6% còn lại đến từ các dịch vụ khác. Lợi nhuận trước thuế cả năm đạt 2,1 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế đạt 1,8 tỷ đồng. Cho giai đoạn bắt đầu cổ phần hóa từ 01/10/2015 đến 31/12/2015, lãi cơ bản trên cổ phiếu đạt 910 đồng.



Tình hình đầu tư thực hiện các dự án

Hiện tại, Công ty đang triển khai một số dự án phục vụ cho công tác sản xuất như sau:

- Dự án nâng cấp và cải tạo hệ thống xử lý nước rỉ rác tại Bãi rác Khánh Sơn mới: triển khai đầu tư dây chuyền công nghệ nhằm nâng cấp và cải tạo hệ thống xử lý nước rỉ rác của Bãi rác để nguồn nước thải ra môi trường đạt tiêu chuẩn xả thải. Dự án được đầu tư bởi Công ty TNHH Khoa học Công nghệ Môi trường Quốc Việt, vận hành từ năm 2009 với công suất xử lý đạt 450m³/ngày/đêm. Dự kiến Công ty Quốc Việt sẽ chuyển giao hệ thống cho Công ty vào tháng 9/2016.
- Dự án đầu tư nhà máy xử lý chất thải rắn trên địa bàn TP Đà Nẵng: Đầu tư dây chuyền công nghệ và trang thiết bị đáp ứng nhu cầu xử lý khoảng 1000 tấn/ngày với mục tiêu giảm diện tích chôn lấp, tăng giá trị lợi ích của rác (tái chế, tái sử dụng, thu hồi nguồn năng lượng từ rác). Hiện tại dự án đã có nghiên cứu khả thi do JICA thực hiện và nằm trong danh mục kêu gọi đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) của TP.
- Dự án xử lý phân bùn bể phốt: Đầu tư cơ sở hạ tầng, trang thiết bị nhằm thu gom vận chuyển và xử lý phân bùn bể phốt hoặc kết hợp xử lý rác thải hữu cơ. Hiện tại dự án đang kêu gọi thực hiện nghiên cứu khả thi dự án và nằm trong danh mục kêu gọi đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) của TP.
- Dự án sản xuất phân bón lỏng biomass từ chất thải nhà vệ sinh nhằm cải thiện vệ sinh đô thị và hỗ trợ nông dân Việt Nam: Đây là dự án chuyển giao công nghệ sản xuất phân bón lỏng từ chất thải nhà vệ sinh phục vụ cho khu vực nông nghiệp huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng do Chikujō (Nhật Bản) làm chủ đầu tư dự án. Hiện tại dự án đã tiến hành mô hình thử nghiệm quy trình tái chế chất thải nhà vệ sinh tại Bãi rác Khánh Sơn và ứng dụng trồng rau tại Hòa Vang.

Tình hình tài chính

(ĐVT: triệu đồng)

STT	Chỉ tiêu	TH2014	TH2015	TH2015/TH2014
1	Tổng tài sản	106.009	150.753	142.21%
2	Doanh thu thuần	160.502	184.949	115,23%
3	Giá vốn hàng bán	163.058	173.607	106,47%
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-12.017	2.084	
5	Lợi nhuận trước thuế	-12.003	2.086	
6	Thuế TNDN	-	263	
7	Lợi nhuận sau thuế	-12.003	1.823	



Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2014	Năm 2015
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	3,97	0,97
	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	3,36	0,95
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	%	7,23	48,5
	Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	7,80	94,3
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	30,50	167,9
	Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,45	1,2
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	%	-	1,0
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	%	-	2,3
	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	-	1,2
	Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	-	4,1

* Lưu ý: Các hệ số tài chính năm 2014 được tính dựa trên Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014. Các hệ số tài chính năm 2015 được tính dựa trên việc tổng hợp kết quả Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015. Do 2 báo cáo tài chính áp dụng chính sách kế toán khác nhau nên không có giá trị so sánh.



Cơ cấu cổ đông và tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Thông tin cổ phiếu

- **Tổng số cổ phiếu phát hành:** 5.773.600 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu đang lưu hành: 5.773.600 cổ phiếu
- Cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu
- **Loại cổ phần:** cổ phiếu phổ thông
- **Mệnh giá:** 10.000 đồng

Cơ cấu cổ đông

(tính đến ngày 31/03/2016)

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (Đồng)	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	1.090	5.773.600	57.736.000.000	100%
1	Cổ đông tổ chức	2	3.716.523	37.165.230.000	64,37%
2	Cổ đông cá nhân	1.088	2.057.077	20.570.770.000	35,63%
II	Cổ đông nước ngoài	-	-	-	-
1	Cổ đông tổ chức	-	-	-	-
2	Cổ đông cá nhân	-	-	-	-
Tổng cộng		1.090	5.773.600	57.736.000.000	100%



Danh sách cổ đông lớn

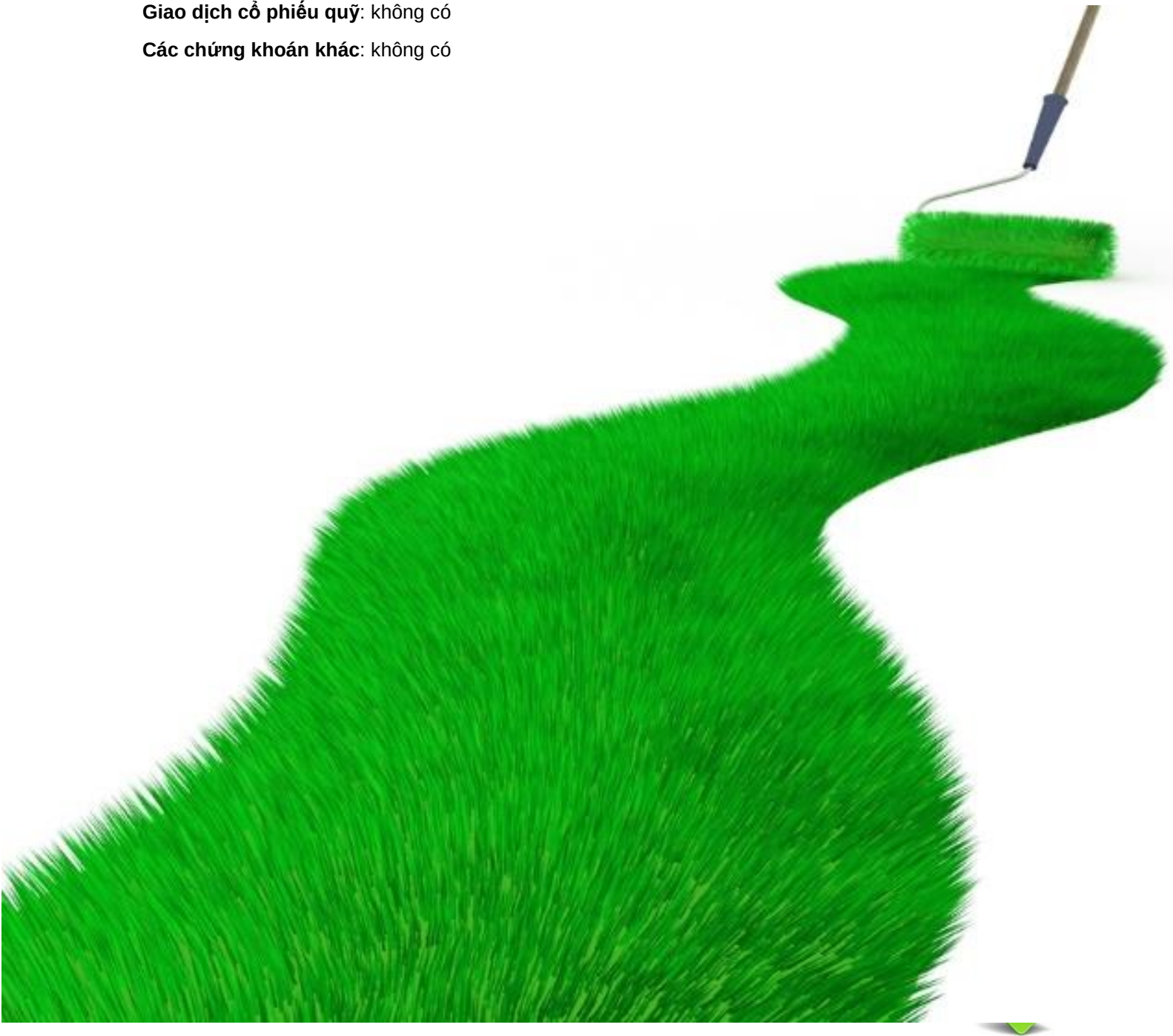
STT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ
1	Ủy ban Nhân dân TP. Đà Nẵng	TT hành chính TP. Đà Nẵng	2.944.536	51,00%
2	CTCP Môi trường Việt Nam	32 Trần Phú, P. Hải Châu I, Q. Hải Châu, TP. Đà Nẵng	771.987	13,37%
3	Nguyễn Văn Tuấn	S33 Bàu Cát, P.14, Q. Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	371.206	6,43%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm Công ty tiến hành cổ phần hóa, chuyển từ hình thức sở hữu 100% vốn Nhà nước sang hình thức đa sở hữu. Vốn điều lệ tăng 1.999.162.309 đồng từ 55.736.837.691 đồng lên 57.736.000.000 đồng sau quá trình cổ phần hóa.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

Các chứng khoán khác: không có



Báo cáo liên quan đến môi trường và xã hội

Chính sách môi trường của Công ty

- Tuân thủ các yêu cầu pháp luật và các tiêu chí thành phố môi trường về quản lý chất thải rắn, bùn thải.
- Hoạch định và triển khai có hiệu lực và hiệu quả các giải pháp ngăn ngừa ô nhiễm trong quá trình quản lý các loại chất thải.
- Cải tiến liên tục, có hiệu quả các kết quả hoạt động môi trường thông qua các giải pháp công nghệ, quản trị.
- Tất cả CBCNV đều có ý thức trong việc sử dụng tiết kiệm, hiệu quả các nguồn tài nguyên và năng lượng. Quan tâm, đầu tư, thực hiện các biện pháp nhằm tái chế, tái sử dụng các loại chất thải thích hợp.
- Chủ động trong việc chuẩn bị và sẵn sàng ứng phó trong tình trạng khẩn cấp về các sự cố môi trường có thể xảy ra.
- Duy trì, thường xuyên cải tiến có hiệu lực và hiệu quả Hệ thống quản lý môi trường theo Tiêu chuẩn ISO 14001.

Công ty tiếp tục theo đuổi và triển khai các chương trình về tiết kiệm năng lượng, phân loại rác tại Văn phòng Công ty. Về phân loại rác thải, Công ty đã ban hành các Quyết định và hướng dẫn phân loại, thu gom rác thải sinh hoạt và rác thải nguy hại tại Văn phòng Công ty. Cùng với đó, quy định về sử dụng điện nước tại văn phòng Công ty cũng được phổ biến đến toàn thể cán bộ, công nhân viên được biết và tổ chức thực hiện.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường



Đối với tình hình thực hiện các quy định về công tác bảo vệ môi trường, Công ty đã thực hiện vận hành đúng quy trình xử lý chất thải tại Bãi rác Khánh Sơn và Lò đốt chất thải nguy hại; định kỳ kiểm tra vệ sinh môi trường. Thực hiện đúng tần suất quan trắc, kiểm tra môi trường (nước thải, nước ngầm, nước mặt, khí thải...) theo quy định của các Thông tư, Nghị định liên quan. Lập đề án bảo vệ môi trường chi tiết, đề án bảo vệ môi trường đơn giản, lập báo cáo về việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết và báo cáo với các sở, ban, ngành có liên quan. Hàng năm Công ty đều thực hiện Phiếu đánh giá sự tuân thủ yêu cầu pháp luật và các yêu cầu khác, làm cơ sở để đánh giá và kiểm tra việc tuân thủ pháp luật nói chung và pháp luật về bảo vệ môi trường nói riêng.



Trách nhiệm với cộng đồng địa phương

- Giải quyết dứt điểm tình trạng ô nhiễm Bãi rác Khánh Sơn
- Hỗ trợ phương tiện tham gia Ngày Chủ nhật Xanh – Sạch – Đẹp

Sau 12 năm triển khai, phong trào Ngày Chủ nhật Xanh - Sạch - Đẹp của Thành phố Đà Nẵng đã trở thành điểm sáng về công tác bảo vệ môi trường trong cả nước, và là tiền đề quan trọng để thực hiện và phấn đấu hoàn thành mục tiêu xây dựng thành phố môi trường vào năm 2020. Với cương vị là đơn vị phục vụ công tác vệ sinh môi trường tiên phong trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng, Công ty đã không ngừng hỗ trợ phương tiện, trang thiết bị cũng như nhân lực cho phong trào. Với sự tham gia của Công ty cùng các ban, ngành, đoàn thể và nhân dân Thành phố; các điểm nóng môi trường giải quyết, đặc biệt là nhiều lô đất trống ô nhiễm, đảm bảo vệ sinh môi trường trong khu dân cư, khu vực công cộng. Trong năm 2015, Công ty đã hỗ trợ vận chuyển hơn 400 tấn rác các loại với hơn 60 lượt xe từ phong trào Ngày Chủ nhật Xanh – Sạch – Đẹp. Những nỗ lực đó của Công ty đã được các cấp Lãnh đạo Thành phố nhân dân ghi nhận. Đây chính là động lực thúc đẩy Công ty tham gia mạnh mẽ hơn nữa để phong trào trở thành một điểm sáng trong công tác bảo vệ môi trường và hỗ trợ cộng đồng của Công ty.

- Hoạt động quyên góp giúp đỡ cộng đồng

Trong năm 2015, Công ty tích cực kêu gọi sự ủng hộ, đóng góp từ cán bộ, công nhân viên cho các công tác xã hội và kết quả năm 2015 đã đóng góp 42,66 triệu đồng vào Quỹ đền ơn đáp nghĩa và 58,7 triệu đồng vào Quỹ xã hội

- Hoạt động khác

Năm 2015, Công ty tham dự Diễn đàn phát triển đô thị lần thứ 4 trong khuôn khổ Chương trình hợp tác 3 bên về phát triển bền vững TP Đà Nẵng. Đây là hoạt động nằm trong khuôn khổ chương trình hợp tác 3 bên giữa UBND TP. Đà Nẵng, JICA và TP. Yokohama về phát triển bền vững. Trong khuôn khổ Diễn đàn, Công ty cùng với các bên liên quan cùng nhau thảo luận về chuyên đề Quản lý chất thải rắn trên địa bàn TP Đà Nẵng.

Công ty cũng cử cán bộ, công nhân viên tham gia diễu hành hưởng ứng ngày môi trường thế giới 5-6. Công ty cũng đã hỗ trợ phương tiện vận chuyển và huy động công nhân ra quân hưởng ứng phong trào và tham gia tổng dọn tại các điểm nóng về môi trường.

Ngoài ra, Công ty còn huy động cán bộ, công nhân viên tham gia vớt bèo trôi dạt vào bờ biển, đảm bảo môi trường du lịch TP Đà Nẵng.



BÁO CÁO BAN GIÁM ĐỐC



- **Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**
- **Tình hình tài chính**
- **Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý**
- **Kế hoạch phát triển trong tương lai**
- **Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty**

Với bề dày hơn 40 năm kinh nghiệm cùng một đội ngũ cán bộ công nhân viên lành nghề, có đầy đủ phương tiện đáp ứng yêu cầu các đơn đặt hàng bảo đảm chất lượng khối lượng công việc, Công ty cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng tạo được sự uy tín đối với khách hàng. Hiện tại trên địa bàn TP Đà Nẵng, Công ty là doanh nghiệp duy nhất thực hiện cung cấp các loại hình dịch vụ công cộng liên quan tới lĩnh vực môi trường như: vệ sinh môi trường, thu gom và vận chuyển rác thải,.... So với các doanh nghiệp trong ngành Môi trường thì Công ty là một trong những Công ty có bề dày hoạt động, có kinh nghiệm trong hoạt động quản trị và tiên phong trong việc cổ phần hóa, đăng ký chào bán cổ phiếu.

Trong hơn 40 năm qua, công ty đã phấn đấu không ngừng để tồn tại, ổn định và phát triển. Qua mỗi giai đoạn Công ty đã vượt qua nhiều khó khăn thử thách để từng bước khẳng định vị thế của mình trong ngành Môi trường cũng như sự tín nhiệm của lãnh đạo thành phố cũng như khách hàng. Công ty đã nhận được nhiều phần thưởng của chính phủ, UBND các cấp, đặc biệt là “ Huân chương Độc lập hạng ba ” - Chủ tịch nước tặng thưởng vào năm 2010.

Bên cạnh đó, việc sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trên địa bàn TP Đà Nẵng cũng góp phần nâng cao vị thế cạnh tranh của Công ty trong ngành. Đà Nẵng là đô thị loại I trực thuộc trung ương, là trung tâm kinh tế và là một trong những trung tâm văn hoá, giáo dục, khoa học và công nghệ lớn của khu vực miền Trung - Tây Nguyên. Đà Nẵng hiện đang có những bước phát triển mạnh mẽ về cơ sở hạ tầng lẫn dân số. Bên cạnh đó chính quyền thành phố đang hướng đến xây dựng một thành phố đáng sống, xây dựng lối sống văn hóa văn minh đô thị trong đó công tác vệ sinh môi trường đô thị được đặt lên hàng đầu. Do đó đây là điều kiện thuận lợi để Công ty có những bước chuyển mình phù hợp và xây dựng được chiến lược phát triển dài hạn phù hợp với xu thế phát triển của thành phố.



Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

STT	Chỉ tiêu	TH2014	TH2015	TH2015/ TH2014
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	160.502	184.949	115,23%
2	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-12.017	2.084	
3	Lợi nhuận kế toán trước thuế	-12.003	2.086	
4	Lợi nhuận sau thuế	-12.003	1.823	
5	Lãi cơ bản trên cổ phiếu (cho giai đoạn từ 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015)		910	

**Chú ý: kết quả kinh doanh năm 2014 được lấy từ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014 là năm Công ty vẫn hoạt động dưới mô hình Công ty TNHH và kết quả kinh doanh năm 2015 là tổng hợp kết quả của Báo cáo tài chính kiểm toán cho giai đoạn từ 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015.*

Do Công ty mới chuyển đổi từ mô hình Công ty TNHH sang mô hình Công ty cổ phần từ 01/10/2015, nên chính sách kế toán áp dụng cho năm 2014 và 2015 có sự không đồng nhất, do đó việc so sánh thay đổi qua các năm là không hợp lý và khó có thể thực hiện được.



Sau khi chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, Công ty cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng đã thực hiện nghiêm túc các quy định mà một Công ty cổ phần cần phải đáp ứng. Dưới sự chỉ đạo kịp thời của Hội đồng quản trị, cùng với nỗ lực của Ban điều hành Công ty và nhất là tinh thần đoàn kết, quyết tâm của toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty đã duy trì hoạt động kinh doanh và bước đầu đạt được những kết quả rất đáng khích lệ.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cả năm đạt gần 185 tỷ đồng, trong đó, riêng Quý IV/2015 là thời điểm Công ty bắt đầu hoạt động dưới mô hình công ty cổ phần, doanh thu đạt được 50,2 tỷ đồng.
- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh cả năm đạt 2,1 tỷ đồng, trong đó Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh Quý IV/2015 đạt 1,6 tỷ đồng.
- Tổng lợi nhuận trước thuế năm 2015 đạt 2,1 tỷ đồng, trong đó, lợi nhuận trước thuế Quý IV đạt 1,6 tỷ đồng.
- Lợi nhuận sau thuế cả năm đạt 1,8 tỷ đồng, riêng Quý IV/2015 đạt 1,4 tỷ đồng.



Những tiến bộ công ty đã đạt được

Ổn định tư tưởng của người lao động trong Công ty sau khi chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần

Qua 3 tháng hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần, Công ty bước đầu hoạt động kinh doanh có lãi, bảo toàn vốn của doanh nghiệp. Lợi nhuận sau thuế riêng quý IV /2015 đã 1,4 tỷ đồng so với 1,8 tỷ đồng của cả năm 2015, đánh dấu nỗ lực lớn của Bộ máy Lãnh đạo Công ty trong công tác sản xuất kinh doanh.



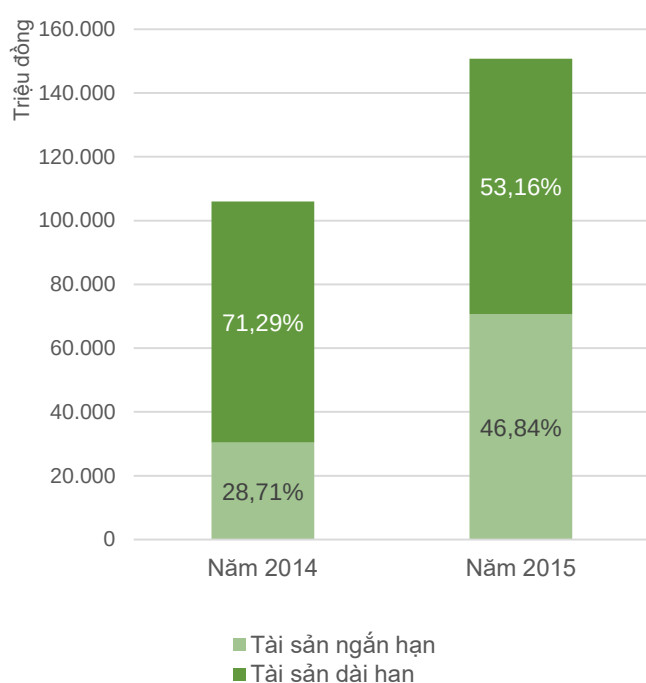
Tình hình tài chính

Tình hình tài sản

(ĐVT: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Tỷ trọng 2014	Tỷ trọng 2015
Tài sản ngắn hạn	30.431	70.609	28,71%	46,84%
Tài sản dài hạn	75.579	80.143	71,29%	53,16%
Tổng tài sản	106.010	150.752	100,00%	100,00%

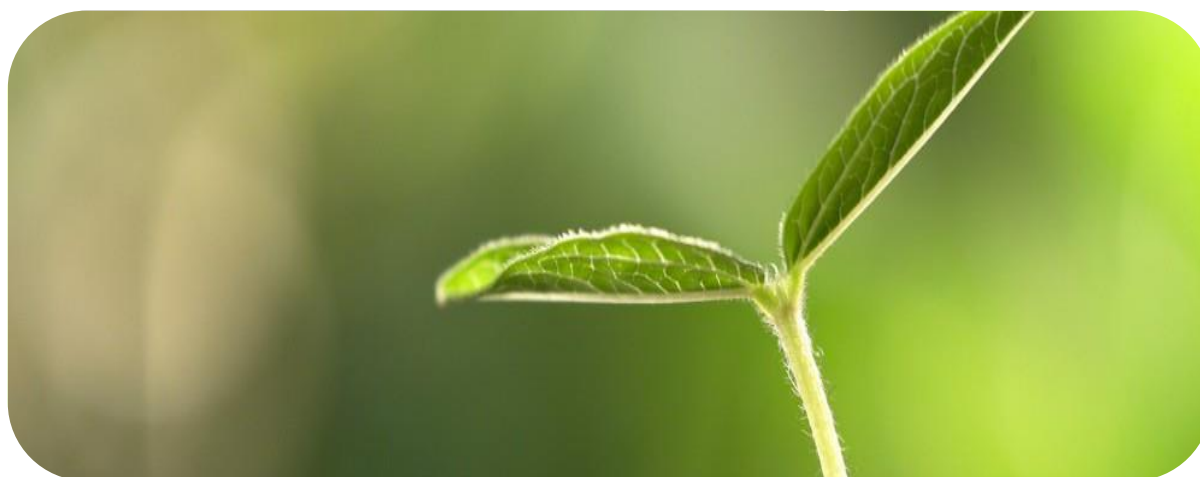
Cơ cấu tài sản



Do Công ty mới chuyển đổi từ mô hình Công ty TNHH sang mô hình Công ty cổ phần từ 01/10/2015, nên chính sách kế toán áp dụng cho năm 2014 và 2015 có sự không đồng nhất, do đó khó có thể thực hiện so sánh thay đổi qua các năm.

Xét về cơ cấu tài sản trong năm 2015, phần lớn tài sản đến từ tài sản dài hạn chiếm 53,16%. Tổng giá trị tài sản dài hạn 80,1 tỷ đồng, trong đó chủ yếu tập trung ở tài sản cố định (65,4 tỷ đồng) chiếm tỷ trọng 81,64%. Điều này là do Công ty đẩy mạnh việc đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị nhằm mở rộng thị trường.

Tài sản ngắn hạn Công ty năm 2015 là 70,6 tỷ đồng, chiếm 46,84% tổng tài sản. Trong đó, chủ yếu là tiền mặt đạt 53,8 tỷ đồng. Điều này giúp Công ty luôn đảm bảo nhu cầu thanh toán nhanh cho các đối tác và tạo ra lợi thế chủ động cho công tác đầu tư trong tương lai.

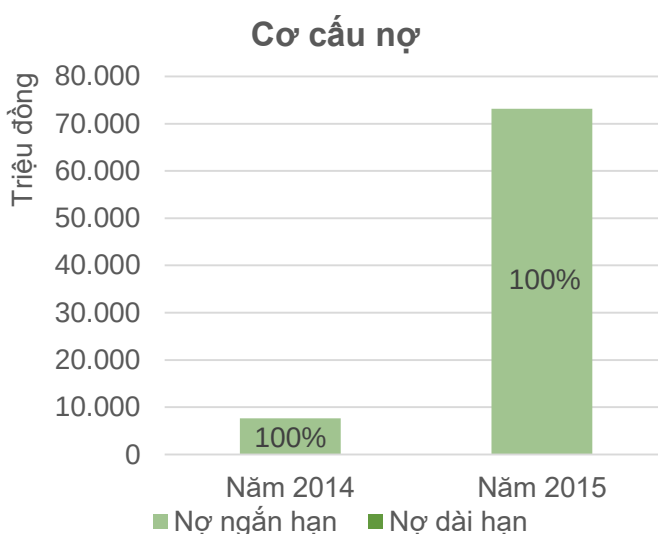


Tình hình nợ phải trả

(ĐVT: triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Tỷ trọng 2014	Tỷ trọng 2015
Nợ ngắn hạn	7.666	73.156	100,00%	100,00%
Nợ dài hạn	0	0	0,00%	0,00%
Nợ phải trả	7.666	73.156	100,00%	100,00%

Có thể thấy, 100% nợ phải trả của Công ty đến từ nợ ngắn hạn. Năm 2015, tổng nợ phải trả là 73,2 tỷ đồng chủ yếu đến từ chi phí phục vụ hoạt động công ích, đặt hàng (11,4 tỷ đồng) và các khoản phải trả ngắn hạn (57,6 tỷ đồng) trong đó phần lớn là khoản phải trả cổ phần hoá (19,5 tỷ đồng) và khoản phải trả Ngân sách Nhà nước theo Công văn 1511/UBND-KTN ngày 26/02/2014 của UBND Thành phố Đà Nẵng về việc tái cơ cấu vốn tại các Công ty TNHH MTV do thành phố quản lý.



Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Sau khi tổ chức thành công Đại hội cổ đông lần đầu, Ban Lãnh đạo Công ty đã lập tức thực hiện các biện pháp nhằm kiện toàn bộ máy nhân sự. Tổ chức đánh giá lại đội ngũ cán bộ quản lý, tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức từ bộ phận quản lý đến các bộ phận trực tiếp theo hướng gọn nhẹ, phù hợp với cơ chế sản xuất kinh doanh của đơn vị. Bố trí cán bộ chuyên môn phù hợp với ngành nghề đào tạo, năng lực sở trường.
- Hội đồng quản trị cũng thông qua phương án Tái cơ cấu tổ chức và định biên các phòng nghiệp vụ đơn vị liên quan. Theo đó thống nhất theo phương án Tổng Giám đốc trình, về lao động gián tiếp đến cuối năm 2016 giảm khoảng 90 người.
- Bổ nhiệm đầy đủ nhân sự vào Ban Giám đốc Công ty. Theo đó Ông Trần Văn Tiên và Ông Phạm Quang Sáng được bổ nhiệm giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty.
- Xí nghiệp Sửa chữa được thành lập với đội ngũ công nhân sửa chữa tay nghề cao. Góp phần đẩy nhanh tiến độ sửa chữa các trang thiết bị, phương tiện; đảm bảo công tác vệ sinh môi trường đô thị trên địa bàn thành phố.



Kế hoạch phát triển trong tương lai

Các chỉ tiêu của kế hoạch sản xuất kinh doanh cho năm 2016

(ĐVT: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	Kế hoạch Năm 2016
Vốn điều lệ	57.736
Doanh thu thuần	190.487
Lợi nhuận trước thuế	5.000
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	5,72%
Cổ tức	5,8%
Thu nhập bình quân	5,2 – 5,3

(Ghi chú: Dự kiến Doanh thu phần đầu tăng thêm khoảng 16,5 tỷ đồng, nếu được HĐND và UBND thành phố chấp thuận thông qua cụ thể như sau: Thu phí vệ sinh điều chỉnh từ quý 3 năm 2016 doanh thu ước tăng thêm 06 tỷ đồng; bổ sung chênh lệch đơn giá xử lý rác bằng biện pháp chôn lấp lại bãi rác Khánh Sơn là 8,5 tỷ đồng và bổ sung phần chi phí xử lý nước rỉ rác tại bãi rác Khánh Sơn tính từ quý 4 năm 2016 khoảng 02 tỷ đồng)

Giải pháp thực hiện

- **Về hoạt động điều hành, sản xuất**
 - Sắp xếp lại bộ máy điều hành, đội ngũ cán bộ chủ chốt, những người quản lý có đủ trình độ nghiệp vụ chuyên môn, có tâm huyết với ngành nghề.
 - Rà soát lại toàn bộ định mức kinh tế, kỹ thuật như nhân công, vật tư, nguyên nhiên liệu, xây dựng cơ chế khoán nội bộ phù hợp trong tình hình mới nhằm giảm tối đa chi phí.
 - Đầu tư mua sắm mới hoặc thay thế một số thiết bị đã hết khấu hao để nâng cao năng lực hoạt động, đảm bảo chất lượng sản phẩm dịch vụ. Chủ động bảo dưỡng, duy tu kịp thời các hỏng hóc về máy móc, phương tiện, thiết bị tài sản phục vụ tốt nhất cho công tác sản xuất.
 - Tăng cường công tác quản lý, kiểm tra giám sát trong sản xuất kinh doanh để đạt được hiệu quả cao nhất có thể.
 - Tiếp tục kiểm soát chặt chẽ việc xử lý rác thải tại bãi rác Khánh Sơn, tuyệt đối không để phát sinh ô nhiễm môi trường ra địa bàn xung quanh gây ảnh hưởng đến tình hình an ninh bãi rác.
 - Triển khai thực hiện đề án thu gom rác lùì giờ được điều chỉnh bổ sung của thành phố theo quyết định số 451/QĐ-UBND ngày 20/01/2016 kịp tiến độ và hiệu quả.
 - Tiếp nhận và triển khai dự án Sản xuất phân bón lỏng biomass từ chất thải nhà vệ sinh và hỗ trợ nông dân ở thành phố Đà Nẵng do Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản tài trợ giao cho Công ty làm chủ đầu tư dự án. Đồng thời triển khai đầu tư dự án tổ kén xử lý chất thải nguy hại tại học trác nguy hại bãi rác Khánh Sơn.
 - Thực hiện hoàn thành thủ tục bàn giao giữa Công ty cũ (TNHH MTV) và Công ty Cổ phần.

- **Về hoạt động kinh doanh**

- Trên cơ sở mô hình doanh nghiệp mới được xác lập, tiếp tục phát triển mạng lưới dịch vụ công cộng ra các khu vực thị trấn, thị tứ thuộc huyện Hòa Vang dựa trên tiêu chí nông thôn mới để khai thác phục vụ nâng cao nguồn thu. Mở rộng loại hình dịch vụ vệ sinh chất lượng cao.
- Phát triển chiều rộng, gắn với phát triển chiều sâu, không ngừng tăng cường phương tiện kỹ thuật, cải tiến thiết bị và hình thức phục vụ để nâng cao hiệu quả kinh tế trong kinh doanh. Trong các hoạt động của Công ty, lĩnh vực nhận đặt hàng phục vụ vệ sinh đô thị với thành phố là lĩnh vực then chốt, lâu dài, có tính chất quyết định đến yếu tố thành công, phát triển hoặc thất bại của Công ty.
- Chủ động đề nghị cơ quan chức năng tham mưu thành phố điều chỉnh đơn giá vệ sinh môi trường đô thị trên cơ sở giá tại thời điểm nhằm hạn chế mặt trượt giá do thời gian làm ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.
- Công ty cũng đề ra các biện pháp nhằm tăng thu và quản lý chặt phần thu phí vệ sinh môi trường đô thị.

- **Về hoạt động nhân sự**

- Tổ chức đánh giá lại đội ngũ cán bộ quản lý, tiếp tục hoàn thiện bộ máy tổ chức từ bộ phận quản lý đến bộ phận trực tiếp theo hướng gọn nhẹ, phù hợp với cơ chế sản xuất kinh doanh của đơn vị. Bố trí cán bộ chuyên môn phù hợp với ngành nghề đào tạo, năng lực sở trường, những cán bộ không đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ thì sẽ bố trí làm việc khác cho phù hợp.
- Tinh giảm lao động gián tiếp phù hợp với tổng cơ cấu lao động toàn Công ty, dự kiến trong năm 2016 giảm khoảng 100 người và đến năm 2017 tiếp tục tinh giảm số lao động gián tiếp này, để đảm bảo số lao động gián tiếp chiếm khoảng 15% trên tổng cơ cấu lao động toàn Công ty.
- Với việc tăng cường các biện pháp quản lý về nhiều mặt như trên, Công ty tin tưởng sẽ cùng với người lao động hoàn thành đạt và vượt mức các chỉ tiêu kinh doanh đã đề ra.



- **Về kế hoạch đầu tư thiết bị, đổi mới công nghệ**

Để đảm bảo công tác hoạt động sản xuất kinh doanh luôn ổn định trong những năm đầu của Công ty cổ phần, cũng như tổ chức thu gom rác thải tại các địa bàn trong thành phố và vùng ven đô thị được thông suốt. Trong ba năm 2016-2018 Công ty cần đầu tư một số hạng mục, cụ thể:

- Đầu tư phương tiện vận tải: Hàng năm trong giai đoạn từ năm 2016 - 2018 Công ty cần đầu tư mua sắm từ 6 đến 10 xe vận chuyển rác loại từ 4,5 tấn đến 10 tấn, nhằm tăng cường bổ sung cho đội xe vận chuyển rác hoạt động để dự phòng và thay thế các xe đã cũ hoặc hoạt động không hiệu quả do hư hỏng nhiều.
- Đầu tư xây dựng các nhà làm việc tại các Xí nghiệp và các trạm trung chuyển, rửa thùng rác phục vụ đề án thu gom rác theo giờ:
- Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc điều hành tổ chức sản xuất cũng như giao dịch khách hàng trên địa bàn các Xí nghiệp quản lý, trong giai đoạn 3 năm từ 2016 - 2018 Công ty cần đầu tư xây dựng văn phòng làm việc cho các Xí nghiệp hiện chưa có nơi làm việc vẫn còn đi thuê hoặc cư trú tạm thời với đơn vị khác.
- Cải tạo nâng cấp các trạm trung chuyển rác cố định hiện có, các trạm rửa thùng rác thực hiện Đề án thu gom rác theo giờ trên địa bàn thành phố, nhằm phục vụ tốt hơn trong công tác thu gom vận chuyển rác ra khỏi địa bàn thành phố hạn chế gây ô nhiễm môi trường, đảm bảo mỹ quan đô thị.
- Đầu tư tin học hóa trong công tác quản lý thu gom vận chuyển rác thải.
- Để quản lý tốt phương tiện thu gom vận chuyển rác, gia tăng năng lực vận chuyển, chống lãng phí, nhằm tiết kiệm chi phí nhiên liệu vận chuyển Công ty cần đầu tư công nghệ giám sát hành trình của đoàn xe vận chuyển rác như thiết bị định vị phương tiện GPS, camera giám sát cầu cân khối lượng rác, cũng như các thiết bị và phần mềm quản lý tiên tiến khác. Đồng thời đầu tư công tác tin học hóa trong công tác quản lý sản xuất, kinh doanh.
- Đầu tư mua sắm 2.000 thùng rác 240 lít, 2 xe ép rác tải trọng dưới 5 tấn để phục vụ đề án lùi giờ thu gom rác trên địa bàn thành phố đồng loạt trong năm 2016.
- Đầu tư trang thiết bị, công nghệ xử lý chất thải nguy hại:
- Nhằm nâng cao doanh thu trong lĩnh vực dịch vụ vệ sinh xử lý chất thải nguy hại như định hướng nêu trên trong giai đoạn từ năm 2016 - 2018 cần triển khai đầu tư thêm các hệ thống xử lý:
 - + Hệ thống xử lý thiết bị điện tử công suất 200 kg/ngày.
 - + Hệ thống tái chế dầu thải công suất 500 - 1.000 lít/ngày.

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ công ích về môi trường, hơn ai hết, Công ty cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng ý thức được tầm quan trọng của việc giữ gìn môi trường sạch sẽ, không khí trong lành cho xã hội. Bên cạnh mục tiêu lợi nhuận, Công ty luôn quan tâm đến công tác cải thiện chất lượng dịch vụ, tiếp tục triển khai các chương trình về tiết kiệm năng lượng, phân loại rác tại văn phòng Công ty. Về phân loại rác thải, Công ty đã ban hành các Quyết định và hướng dẫn phân loại, thu gom rác thải sinh hoạt và rác thải nguy hại tại Văn phòng Công ty. Cùng với đó, quy định về sử dụng điện nước tại văn phòng Công ty cũng được phổ biến đến toàn thể cán bộ, công nhân viên được biết và tổ chức thực hiện.

Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Lực lượng lao động gián tiếp đóng vai trò quan trọng trong công tác sản xuất của Công ty. Do đó, chăm lo đời sống người lao động trực tiếp là ưu tiên hàng đầu của Công ty, tạo tâm lý phấn khởi cho người lao động yên tâm công tác, gắn bó với Công ty. Trong năm 2015, Công ty đã tăng quyền lợi cho người lao động trên nhiều mặt: tăng mức thưởng ABC, mức thưởng Tết năm 2015 là 3.000.000 đồng so với năm 2014 là 1.200.000 đồng. Bên cạnh đó, tổ chức Công đoàn cũng có những động viên tinh thần lẫn vật chất cho người lao động. Những sự quan tâm lo lắng đó của Ban Lãnh đạo Công ty đã góp phần tạo tâm lý ổn định và nâng cao cuộc sống cho người lao động, làm cho họ thật sự yên tâm, lao động hăng say, giữ gìn thành phố xanh – sạch – đẹp như định hướng Thành phố Môi trường mà Lãnh đạo TP đã đề ra.

Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Song song với nhiệm vụ kinh doanh, Công ty còn chú trọng đến lợi ích lâu dài của cộng đồng thông qua các hoạt động xã hội, các chương trình đóng góp cho Quỹ đền ơn đáp nghĩa, Quỹ xã hội và nhiều chương trình tài trợ khác. Những hoạt động từ thiện sẽ luôn được Ban Tổng Giám đốc và cán bộ công nhân viên Công ty tích cực hưởng ứng và sẵn sàng tham gia.





BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



- **Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty**
- **Đánh giá về hoạt động của Ban Giám đốc**
- **Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị**

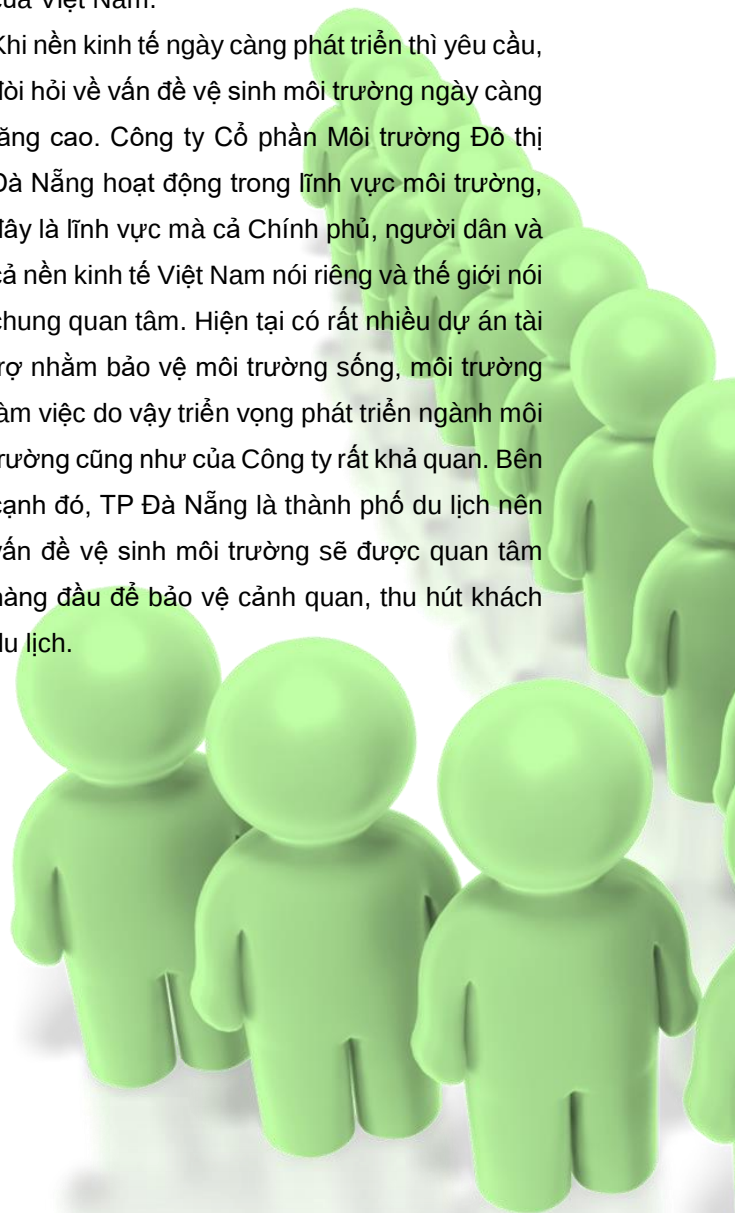


Trong xu thế hội nhập hiện nay, vấn đề bảo vệ môi trường sống, môi trường làm việc luôn được đặt lên hàng đầu. Các nước phát triển và đang phát triển đã, đang và sẽ tiếp tục thực hiện những cam kết nhằm bảo vệ môi trường sinh thái, môi trường sống và môi trường làm việc. Việt Nam là thành viên của Tổ chức Thương mại thế giới WTO, thành viên chính thức của Hiệp hội Bảo tồn thiên nhiên quốc tế (IUCN), tham gia INFOTERRA – hệ thống đầu mối thông tin môi trường của UNEP (Chương trình Môi trường Liên Hiệp Quốc), tham gia công ước về Bảo vệ Di sản văn hóa và Tự nhiên thế giới (HERITAGE). Theo xu hướng hội nhập, Việt Nam sẽ có nhiều cơ hội phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, như được tiếp nhận công nghệ, kỹ năng quản lý môi trường tiên tiến, thúc đẩy các doanh nghiệp Việt Nam áp dụng các công nghệ thân thiện và bảo vệ môi trường.

Việt Nam là một quốc gia có vị trí địa lý cũng như các điều kiện tự nhiên như rừng, núi, biển thuận lợi cho sự phát triển kinh tế và điều kiện cuộc sống của người dân. Việc phát triển kinh tế, đô thị sẽ ảnh hưởng nhiều tới môi trường thiên nhiên, và những tác động ngược của môi trường thiên nhiên đến cuộc sống của con người sẽ rất lớn và nghiêm trọng nếu chúng ta không có kế hoạch phát triển và quan tâm đúng

mức đến môi trường sống. Sau một thời gian dài tập trung phát triển kinh tế ít quan tâm đến môi trường, thì hiện nay chúng ta ngày càng chú trọng đến môi trường sống, khai thác, sử dụng cùng với phát triển bền vững các nguồn tài nguyên thiên nhiên trong nước. Nhà nước khuyến khích và đầu tư phát triển các công việc, ngành nghề liên quan đến nhu cầu của người dân và bảo vệ môi trường thiên nhiên phù hợp với năng lực kinh tế của nước nhà. Việc phát triển và duy trì các công việc liên quan đến môi trường và duy trì hoạt động các công trình công cộng sẽ giữ một vai trò quan trọng trong quá trình duy trì và phát triển nền kinh tế của Việt Nam.

Khi nền kinh tế ngày càng phát triển thì yêu cầu, đòi hỏi về vấn đề vệ sinh môi trường ngày càng tăng cao. Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng hoạt động trong lĩnh vực môi trường, đây là lĩnh vực mà cả Chính phủ, người dân và cả nền kinh tế Việt Nam nói riêng và thế giới nói chung quan tâm. Hiện tại có rất nhiều dự án tài trợ nhằm bảo vệ môi trường sống, môi trường làm việc do vậy triển vọng phát triển ngành môi trường cũng như của Công ty rất khả quan. Bên cạnh đó, TP Đà Nẵng là thành phố du lịch nên vấn đề vệ sinh môi trường sẽ được quan tâm hàng đầu để bảo vệ cảnh quan, thu hút khách du lịch.



Đánh giá về các mặt hoạt động của Công ty

Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2015

- **Thuận lợi**

Công ty nhận được sự quan tâm và chỉ đạo trực tiếp của Thành uỷ, HĐND, UBND thành phố và các ngành liên quan. Được sự giúp đỡ của tổ công tác thuộc UBND các xã, phường tuyên truyền từ đó nhận thức của cán bộ và nhân dân trong thành phố về công tác vệ sinh môi trường được nâng cao.

Công ty đã có bề dày gần 40 năm phát triển, có sự ổn định trong tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh. Hơn nữa đội ngũ CB.CNV có tay nghề, có trình độ chuyên môn, có kinh nghiệm trong công tác, có tinh thần trách nhiệm, năng động, sáng tạo, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau trong lao động sản xuất.

- **Khó khăn**

Trước yêu cầu chất lượng phục vụ vệ sinh môi trường ngày càng cao và việc đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa, đòi hỏi Công ty phải nâng cao năng lực hoạt động sản xuất phục vụ. Tuy nhiên, nguồn kinh phí chi trả cũng như đầu tư cho công tác phục vụ vệ sinh môi trường đô thị trên địa bàn thành phố vẫn còn những mặt hạn chế do thiếu kinh phí.

Tình hình giá cả thị trường trong thời gian vừa qua có những biến động rất lớn về giá nguyên vật liệu, nhiên liệu, xăng dầu, đầu vào giá nhân công tăng làm ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Một số người dân ý thức về công tác vệ sinh môi trường đô thị chưa tốt, gây mất mỹ quan đô thị làm tăng thêm chi phí thu dọn và ảnh hưởng đến uy tín Công ty.

Công ty mới chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần. Do đó, chưa có nhiều kinh nghiệm trong chỉ đạo, điều hành sản xuất kinh doanh dịch vụ theo mô hình công ty cổ phần. Việc điều hành sản xuất từ phân giao kế hoạch đến phân đặt hàng có nhiều thay đổi.

Nhiệm vụ của Công ty đa dạng, nặng nhọc và độc hại, đối tượng phục vụ nhiều thành phần, chất lượng phục vụ đòi hỏi ngày càng cao, địa bàn làm việc trải rộng khắp thành phố.

Các thiết bị chuyên dùng như xe vận tải, xe ép rác vừa thiếu, vừa xuống cấp nghiêm trọng, nên gặp nhiều khó khăn trong khâu vận chuyển, xử lý rác thải.



Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kinh tế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2015

Tháng 10 năm 2015 đánh dấu một bước ngoặt quan trọng đối với Công ty cổ phần Môi trường đô thị Đà Nẵng khi Công ty chính thức chuyển đổi mô hình hoạt động từ Công ty TNHH sang Công ty cổ phần. Tuy mới đi vào hoạt động với nhiều sự thay đổi trong cơ cấu quản lý, quy định của pháp luật... nhưng Công ty đã bước đầu thích nghi với mô hình hoạt động mới và trong 3 tháng đầu hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần đã gặt hái được nhiều thành công nhất định và hoàn thành kế hoạch doanh thu cũng như lợi nhuận trước thuế do Đại hội đồng cổ đông đề ra.

- Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ Quý IV/2015 đạt 50,2 tỷ đồng, vượt 12,16% so với kế hoạch.
- Lợi nhuận trước thuế đạt 1,6 tỷ đồng, vượt 59,4% so với kế hoạch.

Sau khi tiến hành cổ phần thì mục tiêu quan trọng nhất của Công ty vẫn là ổn định công tác sản xuất phục vụ vệ sinh đô thị trên toàn địa bàn thành phố, tạo nền móng vững chắc, tiền đề cho việc đề ra các chiến lược sản xuất kinh doanh đột phá trong năm 2016. Bên cạnh đó là tập trung giải quyết tận gốc những tồn tại cũ, để Công ty đi vào hoạt động có hiệu quả hơn, nhất là việc công khai minh bạch tài chính, chi phí, lương thưởng của Công ty.

Công tác sản xuất kinh doanh 2015

Năm 2015, Công ty tiếp tục thực hiện công tác đặt hàng vệ sinh đô thị thành phố giao thông qua hợp đồng với Sở Tài nguyên và Môi trường Thành phố Đà Nẵng; trên cơ sở Quyết định số 5288/QĐ-UBND ngày 23/7/2015 của UBND Thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt dự toán đặt hàng dịch vụ vệ sinh môi trường đô thị trên địa bàn thành phố năm 2015. Triển khai thu gom vận chuyển rác thải sinh hoạt trong dân cũng như các cơ quan, tổ chức trên địa bàn thành phố và thu phí vệ sinh để trang trải cho công tác thu gom vận chuyển rác. Đồng thời triển khai, khai thác các loại hình dịch vụ thu gom xử lý chất thải công nghiệp, nguy hại, tư vấn kỹ thuật môi trường. Công ty cũng triển khai thành công chuyển đổi giờ thu gom rác thải sinh hoạt từ ban ngày sang ban đêm trên toàn địa bàn Q. Hải Châu, TP Đà Nẵng.

- Tổng khối lượng rác thải thu gom, xử lý cả năm là 258.354 tấn, đạt 100,5% kế hoạch (Trong đó Công ty xử lý 251.560 tấn, chuyển qua Công ty Cổ phần Môi trường Việt Nam xử lý 6.794 tấn).
- Thu phí vệ sinh hộ dân, hộ kinh doanh cả năm 1.718.733 lượt hộ, đạt 102,6% kế hoạch.
- Thu phí hợp đồng cơ quan cả năm 42.442 lượt hợp đồng, đạt 103% kế hoạch.
- Khối lượng đặt hàng các dịch vụ vệ sinh môi trường đô thị thực hiện theo Hợp đồng với Sở Tài nguyên và Môi trường, với giá trị 105,07 tỷ đồng.



Khắc phục ô nhiễm môi trường Bãi rác Khánh Sơn

Trước tình trạng ô nhiễm môi trường tại Bãi rác Khánh Sơn, Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng đã khẩn trương thực hiện các giải pháp nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường khu vực bãi rác cũng như các khu dân cư xung quanh. Cụ thể như sau:

- Để giảm thiểu mùi hôi và lượng nước rỉ rác phát sinh Công ty đã tiến hành phủ đất taluy học rác số 3 và phủ bạt HDPE học số 1, 2, taluy phía Đông học rác số 3.
- Tăng thời gian phun chế phẩm sinh học xử lý mùi hôi, tần suất 4 lần/ngày.
- Để tăng cường hiệu quả xử lý và giảm thiểu mùi hôi từ hệ thống xử lý bùn bể phốt, hệ thống xử lý nước rỉ rác, Công ty đã tiến hành vạo vét bùn tại bể cô đặc, xây dựng mái che kín bể thu gom và 6 bể cô đặc; nạo vét bùn hồ kỵ khí.
- Để đảm bảo hiệu quả xử lý khí thải lò đốt và hạn chế ảnh hưởng khu vực xung quanh, Công ty đã thực hiện sửa chữa, thay đổi đầu đốt mới và điều chỉnh thời gian vận hành lò đốt chất thải nguy hại.
- Để tăng cường công tác quản lý và điều hành bãi rác, Công ty cũng đầu tư mới một số hạng mục phụ trợ như tường rào, cổng ngõ, lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng và tăng cường hệ thống camera giám sát hoạt động tại bãi.

Hiện nay Công ty đang triển khai thi công hệ thống xử lý phân bùn bể phốt ở vị trí mới.

Trong thời gian tới Công ty nghiêm túc vận hành đúng quy trình, quy định đồng thời kiểm soát tốt mọi hoạt động tại bãi rác không để phát sinh các vấn đề ô nhiễm môi trường khu vực xung quanh.

Công tác điều hành

Khi chuyển qua hình thức Công ty cổ phần thì công tác điều hành của Công ty cũng có những sự thay đổi lớn theo hướng tích cực hơn. Theo đó hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý, giám sát và chỉ đạo thực hiện của HĐQT. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc cũng chịu sự giám sát của Ban Kiểm soát. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc làm việc dựa trên nguyên tắc chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao và nghiêm túc phối hợp hoạt động để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông, thúc đẩy sự phát triển của Công ty. Tất cả các thành viên đều có quyền bảo lưu ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất đối với một nội dung và có trách nhiệm giải trình về việc đó khi được yêu cầu. Để đảm bảo công tác phối hợp giữa Ban Lãnh đạo Công ty, HĐQT cũng đã ban hành Quy chế Quản trị của Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng. Quy chế nêu rõ nguyên tắc làm việc, quy trình thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Định kỳ hai tuần Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc chủ trì cuộc họp giao ban cùng với Chủ tịch HĐQT, Trưởng ban kiểm soát, Trưởng phòng, ban, Giám đốc đơn vị trực thuộc Công ty để báo cáo chương trình kế hoạch hoạt động SXKD trong thời gian qua và đề ra kế hoạch hoạt động thời gian đến. Khi cần thiết, Ban Tổng giám đốc có thể trao đổi, hội ý để thông tin giải quyết các công việc kịp thời.

Đánh giá về hoạt động của Ban giám đốc

Kể từ thời điểm đi vào hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần, Hội đồng quản trị đã thực hiện đầy đủ, kịp thời công tác giám sát, định hướng thông qua báo cáo và trao đổi công việc với Ban Tổng Giám đốc. Ngoài các phiên họp định kỳ, Ban Tổng Giám đốc thường xuyên trao đổi với các thành viên Hội đồng quản trị để xử lý kịp thời và hiệu quả các vấn đề phát sinh phục vụ yêu cầu quản lý và phát triển của Công ty.

Trong năm 2015, Ban Tổng Giám đốc cùng bộ máy điều hành đã nỗ lực phấn đấu, làm hết trách nhiệm của mình trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh và đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.



Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Đảm bảo thực hiện tốt công tác vệ sinh môi trường đô thị trên địa bàn TP Đà Nẵng. Đây là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt năm 2016 của HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty

Tập trung đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh – dịch vụ là thế mạnh của Công ty như vệ sinh gia đình, vệ sinh công sở, vệ sinh công nghiệp, làm đại lý mua bán vật tư thiết bị môi trường như thùng rác và các sản phẩm, máy móc liên quan đến vệ sinh môi trường

Kiến toàn bộ máy tổ chức từ phòng, ban, Xí nghiệp, tổ, đội, đơn vị trực thuộc toàn Công ty và tiếp tục tinh giảm lao động gián tiếp để phù hợp với sự phát triển của Công ty và thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Đầu tư nâng cấp một số công nghệ xử lý môi trường như: hệ thống xử lý nước rỉ rác, hệ thống xử lý chất thải công nghiệp nguy hại tương ứng với nhu cầu của thị trường.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH



- Ý kiến kiểm toán
- Báo cáo tài chính

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Giám đốc
Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Môi trường Đà Nẵng, được lập ngày 07/03/2016, từ trang 6 đến trang 36, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ 01/10/2015 đến 31/12/2015 và Thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Giám đốc

Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

1. Như đã trình bày trong Mục I.7 Thuyết minh Báo cáo tài chính, Công ty đã chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/10/2015, tuy nhiên, đến thời điểm này vẫn chưa có biên bản giao số liệu giữa Công ty TNHH MTV Môi trường Đô thị Đà Nẵng và Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng. Hạn chế này kiểm toán viên không thể khắc phục được bằng các thủ tục kiểm toán thay thế. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính chính xác của số dư đầu kỳ các khoản mục trên Báo cáo tài chính cũng như sự ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trình bày trên Báo cáo tài chính đính kèm.
2. Như trình bày tại Mục (*) của Thuyết minh V.18, một số khoản chi mang tính chất phúc lợi, Công ty đã chi lũy kể đến 31/12/2015 là 4.222.504.480 đồng (phần chi trong kỳ này là 76.640.455 đồng). Do chưa có nguồn bù đắp nên Công ty đang trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị âm khoản mục Quỹ khen thưởng, phúc lợi số tiền trên. Tại thời điểm kiểm toán, chúng tôi không thu thập được bằng chứng về nguồn tài chính để bù đắp các khoản phúc lợi đã chi trên. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hợp lý của khoản mục này cũng như ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trình bày trên Báo cáo tài chính đính kèm.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho giai đoạn từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán AVN Việt Nam



Trần Hiền

Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1400-2015-231-1

Buôn Ma Thuột, ngày 25 tháng 03 năm 2016

A blue ink signature of Trần Hà Diễm Phương.

Trần Hà Diễm Phương

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số 1446-2014-231-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**Ngày 31 tháng 12 năm 2015****Mẫu số B 01 - DN***Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT -
BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/10/2015 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		70.609.302.704	54.606.294.808
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	53.782.626.749	40.478.166.094
1. Tiền	111		53.782.626.749	40.478.166.094
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		15.556.588.015	11.904.840.603
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	9.774.194.287	7.376.731.081
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	1.093.040.500	1.204.935.500
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	V.4	4.324.746.310	3.054.854.650
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	360.607.918	264.320.372
5. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.6	3.999.000	3.999.000
IV. Hàng tồn kho	140		1.033.715.382	1.824.699.466
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1.033.715.382	1.824.699.466
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		236.372.558	398.588.645
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	236.372.558	398.588.645
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		80.143.480.160	84.225.096.628
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		65.425.588.202	67.632.166.828
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	65.363.584.641	67.566.325.601
- Nguyên giá	222		131.331.576.157	131.334.151.917
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(65.967.991.516)	(63.767.826.316)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.9	62.003.561	65.841.227
- Nguyên giá	228		123.000.000	123.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(60.996.439)	(57.158.773)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		5.246.282.678	2.730.234.495
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.10	5.246.282.678	2.730.234.495
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		9.471.609.280	13.862.695.305
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11b	9.471.609.280	13.862.695.305
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		150.752.782.864	138.831.391.436



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**Ngày 31 tháng 12 năm 2015****Mẫu số B 01 - DN***Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính*

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015 VND	01/10/2015 VND
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		73.156.356.715	67.670.817.715
I. Nợ ngắn hạn	310		73.156.356.715	67.670.817.715
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	655.256.000	489.123.136
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	363.036.000	339.736.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	1.811.496.485	1.434.141.080
4. Phải trả người lao động	314	V.15	3.011.480.348	2.854.685.413
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	13.972.951.227	7.207.505.191
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	57.564.641.135	59.491.490.920
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	(4.222.504.480)	(4.145.864.025)
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		77.596.426.149	71.160.573.721
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	77.549.626.149	71.113.773.721
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		57.736.000.000	55.736.837.691
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		111.896.964	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		13.470.655.903	13.470.655.903
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.358.596.032	33.802.877
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		33.802.877	(95.427.292)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.324.793.155	129.230.169
5. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		4.872.477.250	1.872.477.250
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		46.800.000	46.800.000
1. Nguồn kinh phí	431	V.20	46.800.000	46.800.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		150.752.782.864	138.831.391.436



Đặng Đức Vũ
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Đỗ Văn Tài
Kế toán trưởng

Huỳnh Duy Hải
Người lập biểu



BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH**Cho giai đoạn từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015****Mẫu số B 02 - DN***Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT - BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cho giai đoạn từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015 VND	Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015 VND
1. Doanh thu bán hàng & cc dịch vụ	01	VI.1	50.249.032.711	134.700.281.040
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		50.249.032.711	134.700.281.040
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	46.227.096.830	127.380.491.079
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		4.021.935.881	7.319.789.961
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	70.155.104	211.677.130
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	4.318.636	33.608.613
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5	2.496.035.885	7.005.722.399
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.591.736.464	492.136.079
11. Thu nhập khác	31		3.500.000	-
12. Chi phí khác	32		1.320.000	
13. Lợi nhuận khác	40		2.180.000	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.593.916.464	492.136.079
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.6	172.871.859	90.208.989
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.421.044.605	401.927.090
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.7	910	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	910	-

**Đặng Đức Vũ**

Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Đỗ Văn Tài

Kế toán trưởng

Huỳnh Duy Hải

Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Cho giai đoạn từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015****Mẫu số B 03 - DN***Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT – BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính*

Chỉ tiêu	Mã số	Cho giai đoạn từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015	Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/09/2015
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, CC DV và doanh thu khác	01	52.672.564.683	172.811.591.123
2. Tiền chi trả cho người cung cấp HH và DV	02	(18.961.276.011)	(70.663.522.192)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(15.658.534.579)	(67.114.338.427)
4. Thuế Thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(110.000.000)	-
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	5.716.969.456	13.462.473.644
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(10.404.824.361)	(16.124.669.202)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	13.254.899.188	32.371.534.946
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21	(20.593.637)	(38.903.624)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	70.155.104	211.677.130
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	49.561.467	172.773.506
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	13.304.460.655	32.544.308.452
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	40.478.166.094	7.933.857.642
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	53.782.626.749	40.478.166.094

**Đặng Đức Vũ**

Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 03 năm 2016

Đỗ Văn Tài

Kế toán trưởng

Huỳnh Duy Hải

Người lập biểu



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty TNHH Một thành viên Môi trường Đô thị Đà Nẵng theo Quyết định số 9594/QĐ-UBND ngày 30/12/2014 của Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty TNHH Môi trường Đô thị Đà Nẵng thành công ty cổ phần. Công ty là đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400228640 ngày 24/06/2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp, đăng ký thay đổi lần 2 (chuyển đổi sang hình thức công ty cổ phần) ngày 01/10/2015, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau như: sản xuất, kinh doanh dịch vụ,...

3. Ngành nghề kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:

- Thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt, chất thải công nghiệp, chất thải hàng hải, chất thải nguy hại, phế thải xây dựng và hầm cầu;
- Cung cấp dịch vụ vệ sinh công cộng, vỉa hè, đường phố, cống rãnh, ao hồ, đầm, trên sông, ven biển và bờ biển;
- Xử lý ô nhiễm môi trường các hệ thống sông, hồ, đầm ao, vịnh biển và bờ biển;
- Xử lý các loại nước thải, nước nhiễm bẩn, nhiễm dầu;
- Xây dựng, sửa chữa, nạo vét mương cống, công trình xử lý nước thải và tháo dỡ công trình xây dựng;
- Tư vấn lập các hồ sơ, thủ tục dự án trong lĩnh vực môi trường và tư vấn chuyển giao công nghệ sản xuất phân bón hữu cơ vi sinh;
- Tư vấn thiết kế, xây dựng và đầu tư xây dựng các công trình xử lý chất thải, xử lý môi trường;
- Sản xuất và cung ứng các sản phẩm hóa sinh, vi sinh trong xử lý môi trường;
- Chăn nuôi, trồng trọt và nuôi trồng thủy sản;
- Kinh doanh các loại vật tư, thiết bị, hóa chất, vi sinh và các trang thiết bị liên quan đến lĩnh vực xử lý môi trường.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh đối với hoạt động của Công ty thường kéo dài dưới 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Từ ngày 01/10/2015, Công ty chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần với pháp nhân mới là Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng, tuy nhiên vẫn chưa có biên bản bàn giao chính thức từ Công ty TNHH MTV sang Công ty cổ phần, do đó toàn bộ số dư đầu kỳ của các tài khoản kế toán được tạm ghi nhận theo số liệu báo cáo tài chính giai đoạn từ ngày 01/01/2015 đến 30/09/2015

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

đã được đánh giá và điều chỉnh lại theo Hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp ngày 25/11/2014 của Công ty TNHH MTV Thẩm định giá và Dịch vụ Tài chính Đà Nẵng và đã được kiểm toán.

6. Cấu trúc Công ty

Công ty có 15 đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán báo số:

- Ban Thanh tra (Ban KCS)
- TT tư vấn Đầu tư và Phát triển Kỹ nghệ Môi trường
- Xí nghiệp Môi trường Hoà Vang
- Xí nghiệp Môi trường Ngũ Hành Sơn
- Xí nghiệp Dịch vụ Môi trường số 2
- Xí nghiệp Môi trường Thanh Khê 2
- Xí nghiệp Dịch vụ Môi trường số 1
- Xí nghiệp QLB và xử lý CT
- Xí nghiệp Môi trường Cẩm Lệ
- Xí nghiệp Môi trường Liên Chiểu
- Xí nghiệp Môi trường Thanh Khê 1
- Xí nghiệp Môi trường Hải Châu 1
- Xí nghiệp Môi trường Hải Châu 2
- Xí nghiệp Vận chuyển
- Xí nghiệp Môi trường Sơn Trà

7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2015 Công ty chính thức hoạt động theo loại hình công ty cổ phần; Tuy nhiên cho đến thời điểm lập báo cáo này Công ty vẫn chưa hoàn thành biên bản giao số liệu từ Công ty TNHH MTV sang Công ty Cổ phần; Do đó, số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính giai đoạn từ 01/01/2015 đến 30/09/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AVN Việt Nam.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này là Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/10/2015 đến ngày 31/12/2015.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình sản xuất.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp nhập trước xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

5. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn theo Thông tư 45/2014/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2014 của Bộ Tài chính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm/Kỳ này</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 35
Máy móc và thiết bị	5 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm/Kỳ này</u>
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	4 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	5 - 10

7. Tài sản cố định vô hình

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 8 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

9. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

11. Vốn chủ sở hữu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh số vốn thực tế đã góp

Thặng dư vốn cổ phần ghi nhận khoản chênh lệch giữa mệnh giá cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc năm tài chính) được trích lập các quỹ và chia cho cổ đông theo Điều lệ Công ty hoặc theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Việc phân phối lợi nhuận chỉ thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Cổ tức, lợi nhuận trả cho cổ đông/thành viên góp vốn không vượt quá số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

12. Ghi nhận doanh thu và thu nhập***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

13. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản chiết khấu thương mại/giảm giá hàng bán/hàng bán bị trả lại.

14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là giá thành sản xuất của dịch vụ đã cung cấp, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc gi giảm giá vốn hàng bán.

15. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính và đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

16. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chi ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

19. Phân loại tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính – Hướng dẫn áp dụng chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính:

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

20. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu: Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chỉ trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Công cụ tài chính phức hợp

Công cụ tài chính phức hợp do Công ty phát hành được phân loại thành các thành phần nợ phải trả và thành phần vốn chủ sở hữu theo nội dung thỏa thuận trong hợp đồng và định nghĩa về nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Phần vốn chủ sở hữu được xác định là giá trị còn lại của công cụ tài chính sau khi trừ đi giá trị hợp lý của phần nợ phải trả. Giá trị của công cụ phái sinh (như là hợp đồng quyền chọn bán) đi kèm công cụ tài chính phức hợp không thuộc phần vốn chủ sở hữu (như là quyền chọn chuyển đổi vốn chủ sở hữu) được trình bày trong phần nợ phải trả. Tổng giá trị ghi sổ cho các phần nợ phải trả và vốn chủ sở hữu khi ghi nhận ban đầu bằng với giá trị hợp lý của công cụ tài chính.

21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

22. Báo cáo theo bộ phận

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.
- Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2015	01/10/2015
	VND	VND
Tiền mặt	83.281.877	93.824.003
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	53.699.344.872	40.384.342.091
Tiền đang chuyển	-	-
Cộng	53.782.626.749	40.478.166.094

Chi tiết Tiền gửi ngân hàng tại thời điểm 31/12/2015

	31/12/2015	01/10/2015
	VND	VND
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT VN - CN Tân Chính	1.027.500	1.054.400
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT VN - CN Đà Nẵng	27.902.677.983	16.723.627.334
Ngân hàng Liên doanh Việt Nga - Chi nhánh Đà Nẵng	25.094.848.824	23.257.584.228
Ngân hàng TMCP ĐT&PT VN - Chi nhánh Sông Hàn	700.790.565	402.076.129
Cộng	53.699.344.872	40.384.342.091

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2015	01/10/2015
	VND	VND
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các đối tượng khách hàng khác</i>	9.774.194.287	7.376.731.081
- Khách hàng công ích	445.812.500	395.372.000
- Khách hàng dịch vụ	2.459.451.787	2.781.359.081
- Sở Tài nguyên Môi trường TP. Đà Nẵng	6.868.930.000	4.200.000.000
Cộng	9.774.194.287	7.376.731.081



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	31/12/2015	01/10/2015
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các đối tượng khách hàng khác</i>	1.093.040.500	1.204.935.500
- Công ty TNHH MTV Đào Quyền	70.000.000	237.000.000
- Công ty TNHH MTV Thiên Mỹ Sơn	105.000.000	150.000.000
- Ngô Thị Bích Vân	80.000.000	121.000.000
- Công ty TNHH Sao Thái Dương	342.500.000	-
- Các đối tượng khác	495.540.500	696.935.500
Cộng	1.093.040.500	1.204.935.500

4. Phải thu nội bộ ngắn hạn

	31/12/2015	01/10/2015
Ban Thanh tra	4.400.000	3.813.245
Xí nghiệp Dịch vụ Môi trường số 1(BV)	-	46.200.000
TT tư vấn ĐT&PT Kỹ nghệ Môi trường	1.080.492.106	1.006.731.556
Xí nghiệp Môi trường Hoà vang	8.500.652	825.082
Xí nghiệp Môi trường Ngũ Hành Sơn	18.416.749	2.725.676
Xí nghiệp Dịch vụ Môi trường số 2 (CN)	533.547.365	556.882.235
Xí nghiệp Môi trường Thanh Khê 2	157.497.383	124.227.319
Xí nghiệp Dịch vụ Môi trường số 1 (SB)	20.446.928	39.705.448
Xí nghiệp QLB và xử lý chất thải	105.354.930	108.753.236
Xí nghiệp Môi trường Cẩm Lệ	78.033.632	18.115.301
Xí nghiệp Môi trường Liên Chiểu	76.088.680	9.176.334
Xí nghiệp Môi trường Thanh Khê 1	160.538.185	160.413.837
Xí nghiệp Môi trường Hải Châu 1	321.369.808	275.121.760
Xí nghiệp Môi trường Sơn Trà	198.247.765	132.723.462
Xí nghiệp Dịch vụ Môi trường số 2 (NH)	475.944.365	312.105.601
Xí nghiệp vận chuyển	792.600.755	19.928.745
Xí nghiệp Môi trường Hải Châu 2	290.667.007	237.405.813
Xí nghiệp Sửa chữa	2.600.000	-
Cộng	4.324.746.310	3.054.854.650

5. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2015		1/10/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu về cổ phần hóa	-	-	-	-
Phải thu các đối tượng khác	216.380.372	-	213.530.372	-
Phải thu tạm ứng	35.538.666	-	50.790.000	-
Bảo hiểm XH TP Đà Nẵng	108.688.880	-	-	-
Cộng	360.607.918	-	264.320.372	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***6. Tài sản thiếu chờ xử lý**

	31/12/2015		1/10/2015	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Tiền	-	3.999.000	-	3.999.000
TSCĐ	-	-	-	-
Cộng		3.999.000		3.999.000

7. Hàng tồn kho

	31/12/2015		1/10/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	239.955.581	-	492.813.646	-
Công cụ, dụng cụ	793.759.801	-	1.331.885.820	-
Cộng	1.033.715.382	-	1.824.699.466	-

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	P.tiện vận tải truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Số đầu kỳ	75.757.537.312	2.409.058.394	53.132.203.211	35.353.000	131.334.151.917
Đtr XDCB hoàn thành					-
Giảm khác	-		2.575.760		2.575.760
Số cuối năm	75.757.537.312	2.409.058.394	53.129.627.451	35.353.000	131.331.576.157
Khấu hao					
Số đầu năm	36.115.951.482	1.081.229.025	26.547.077.138	23.568.671	63.767.826.316
Khấu hao trong năm	909.734.976	68.721.489	1.223.302.469	982.026	2.202.740.960
Giảm trong năm			2.575.760		2.575.760
Số cuối năm	37.025.686.458	1.149.950.514	27.767.803.847	24.550.697	65.967.991.516
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	39.641.585.830	1.327.829.369	26.585.126.073	11.784.329	67.566.325.601
Số cuối năm	38.731.850.854	1.259.107.880	25.361.823.604	10.802.303	65.363.584.641

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

9. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số đầu kỳ	123.000.000	123.000.000
Mua trong kỳ	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối kỳ	123.000.000	123.000.000
Khấu hao		
Số đầu kỳ	57.158.773	57.158.773
Khấu hao trong kỳ	3.837.666	3.837.666
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Số cuối kỳ	60.996.439	60.996.439
Giá trị còn lại		
Số đầu kỳ	65.841.227	65.841.227
Số cuối kỳ	62.003.561	62.003.561

10. Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản

	Số đầu kỳ	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
<i>Mua sắm tài sản cố định</i>	-	957.273	-	-	957.273
- Mua sắm 02 xe cuốn ép vụn chuyển rác	-	957.273	-	-	957.273
<i>Xây dựng cơ bản dở dang</i>	2.730.234.495	2.515.090.910	-	-	5.245.325.405
- Mương thoát nước	2.527.231.622	-	-	-	2.527.231.622
- Phủ bạt HDPE mái taluy học chôn lấp rác tại bãi rác Khánh Sơn	-	2.499.090.910	-	-	2.499.090.910
- Xây dựng các công trình khác	106.336.206	-	-	-	106.336.206
- Chi phí xây dựng ISO	96.666.667	16.000.000	-	-	112.666.667
Cộng	2.730.234.495	2.516.048.183	-	-	5.246.282.678



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***11. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****11a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	31/12/2015 VND	01/10/2015 VND
Chi phí bảo hiểm, tiền thuê đất	5.847.112	398.588.645
Phẩm mềm quản lý	23.958.334	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	206.567.112	-
		-
Cộng	236.372.558	398.588.645

11b. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2015 VND	01/10/2015 VND
Chi phí sửa chữa chờ phân bổ	5.255.089.831	7.086.933.547
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	4.216.519.449	6.775.761.758
Cộng	9.471.609.280	13.862.695.305

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2015	01/10/2015
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các người bán khác</i>	<i>655.256.000</i>	<i>489.123.136</i>
- Công Ty TNHH Thương mại Núi Thành	422.930.000	232.473.500
- Công Ty TNHH Kinh Doanh Tổng Hợp Ân Điền	-	194.804.000
- Công Ty TNHH Vật tư TB kỹ thuật Hạ tầng	219.600.000	-
- Các đối tượng phải trả khác	12.726.000	61.845.636
Cộng	655.256.000	489.123.136

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2015	01/10/2015
Khách hàng dịch vụ trả tiền trước	363.036.000	339.736.000
Cộng	363.036.000	339.736.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Đầu kỳ</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số thực nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT	1.211.931.896	4.821.481.178	4.536.245.376	1.497.167.698
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	184.494.622	172.871.859	110.000.000	247.366.481
Thuế thu nhập cá nhân	37.714.562	88.666.305	59.418.561	66.962.306
Cộng	1.434.141.080	5.083.019.342	4.705.663.937	1.811.496.485

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho dịch vụ phục vụ công cộng về vệ sinh, thoát nước đường phố và khu dân cư thuộc đối tượng chịu thuế suất 10%. Các dịch vụ khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các hoạt động sau:

- Đối với hoạt động kinh doanh xã hội hóa: Áp dụng thuế suất thuế TNDN là 10%.
- Đối với hoạt động kinh doanh khác: Áp dụng thuế suất thuế TNDN là 22%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

15. Phải trả người lao động

	<u>31/12/2015 VND</u>	<u>01/10/2015 VND</u>
Tiền lương phải trả	3.011.480.348	2.854.685.413
Cộng	3.011.480.348	2.854.685.413

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>31/12/2015 VND</u>	<u>01/10/2015 VND</u>
Chi phí phục vụ hoạt động công ích, đặt hàng	11.386.351.227	7.102.256.932
Chi phí kiểm toán 9 tháng đầu năm 2015	-	77.272.727
Chi phí bồi thường tai nạn lao động	-	27.975.532
Chi phí kiểm toán Quý 4 năm 2015	60.000.000	-
Trích trước tiền thưởng tết 2016 cho CBCNV	2.526.600.000	-
Cộng	13.972.951.227	7.207.505.191

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***17. Phải trả ngắn hạn khác**

	31/12/2015	01/10/2015
	VND	VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
Kinh phí công đoàn	184.746.892	99.901.770
Bảo hiểm xã hội, y tế, bảo hiểm thất nghiệp	-	8.351.700
Phải trả cổ phần hóa (*)	19.519.827.697	21.610.588.316
Ủy ban nhân dân Tp Đà Nẵng (**)	37.258.691.261	37.258.691.261
Lãi phải trả cho các thành viên liên doanh	368.948.371	272.696.921
Phải trả khác	232.426.914	241.260.952
Cộng	57.564.641.135	59.491.490.920

(*) Chi tiết công nợ phải trả cổ phần hóa tại ngày 31/12/2015 chờ quyết toán

	Số tiền
	VND
Tổng thu từ phát hành cổ phiếu	25.880.588.200
Lãi tiền gửi tài khoản phong tỏa	56.046.654
Phải trả về số vốn lẻ	837.691
Giá trị theo mệnh giá phần phát hành thêm để lại tăng vốn	(2.000.000.000)
Tăng thặng dư để lại Công ty tương ứng phần phát hành thêm	(111.896.964)
Chi trả lao động dồi dư	(3.801.049.657)
Chi phí cổ phần hóa	(504.698.227)
Cộng	19.519.827.697

Giá trị của các khoản mục này chưa được quyết toán, đối chiếu với Nhà nước.

(**) Là giá trị còn phải trả Ngân sách Nhà nước theo Công văn 1511/UBND-KTN ngày 26/02/2014 của UBND Thành phố Đà Nẵng về việc tái cơ cấu vốn tại các Công ty TNHH MTV do thành phố quản lý.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác	Chi quỹ trong kỳ	Giảm khác	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(4.155.330.823)	-	-	76.640.455	-	(4.231.971.278)
Quỹ phúc lợi đã hình thành tài sản cố định	-	-	-	-	-	-
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	9.466.798	-	-	-	-	9.466.798
Cộng	(4.145.864.025)	-	-	76.640.455	-	(4.222.504.480)

(*) Một số khoản chi phúc lợi Công ty đã chi lũy kể đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này là 4.222.504.480 đồng. Do chưa có nguồn để bù đắp nên Công ty trình bày số âm trên khoản mục Quỹ khen thưởng, phúc lợi.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Nguồn vốn đầu tư XD CB VND	Cộng VND
Số dư tại 01/01/2015	35.850.009.738	-	66.565.064.143	(12.275.697.080)	7.750.862.146	97.890.238.947
Tăng trong kỳ	-	-	-	401.927.090	-	401.927.090
Ngân sách Nhà nước cấp	-	-	-	-	-	-
Điều chỉnh theo biên bản xác	-	-	6.279.338.600	-	2.569.317.250	8.848.655.850
định giá trị doanh nghiệp	19.886.827.953	-	(59.373.746.840)	12.180.269.788	(2.290.451.146)	(29.597.100.245)
Chia lợi nhuận cho các bên theo	-	-	-	(272.696.921)	(6.157.251.000)	(6.429.947.921)
hợp đồng hợp tác đầu tư	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 30/09/15	55.736.837.691	-	13.470.655.903	33.802.877	1.872.477.250	71.113.773.721
Số dư tại 01/01/2015	55.736.837.691	-	13.470.655.903	33.802.877	1.872.477.250	71.113.773.721
Tăng trong năm	2.000.000.000	111.896.964	-	1.421.044.605	3.000.000.000	6.532.941.569
Chia lợi nhuận cho các bên theo	-	-	-	(96.251.450)	-	(96.251.450)
hợp đồng hợp tác đầu tư	(837.691)	-	-	-	-	(837.691)
Giảm vốn lẻ theo mệnh giá	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2015	57.736.000.000	111.896.964	13.470.655.903	1.358.596.032	4.872.477.250	77.549.626.149

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2015	01/10/2015
Vốn góp của UBND Thành phố Đà Nẵng	29.445.360.000	55.736.837.691
Công ty CP Môi trường Việt Nam	7.719.870.000	
Ông Nguyễn Văn Tuấn	3.712.060.000	
Bà Nguyễn Lê My Kha	1.911.050.000	
Các cổ đông cá nhân khác	14.947.660.000	
Cộng	57.736.000.000	55.736.837.691

19c. Cổ phiếu

	31/12/2015 Cổ phiếu	01/10/2015 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.773.600	
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.773.600	
- Cổ phiếu phổ thông	5.773.600	
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.773.600	
- Cổ phiếu phổ thông	5.773.600	
- Cổ phiếu ưu đãi (được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000VND		

19d. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

	31/12/2015 VND	01/10/2015 VND
Lợi nhuận kỳ trước chuyển sang	33.802.877	(12.275.697.080)
Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định lại giá trị DN	-	12.180.269.788
Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp kỳ này	1.421.044.605	401.927.090
Phân phối lợi nhuận theo Hợp đồng liên doanh	96.251.450	272.696.921
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.358.596.032	33.802.877

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

20. Nguồn kinh phí

	31/12/2015	01/10/2015
	VND	VND
Nguồn kinh phí kỳ trước chuyển sang	46.800.000	20.700.000
Nguồn kinh phí được cấp trong kỳ		1.293.000.000
Chi sự nghiệp		1.266.900.000
Nguồn kinh phí còn lại cuối kỳ	46.800.000	46.800.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Giai đoạn từ 01/10/2015 đến 31/12/2015	Giai đoạn từ 01/01/2015 đến 30/09/2015
	VND	VND
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>50.249.032.711</i>	<i>134.700.281.040</i>
+ Doanh thu hoạt động công ích	16.198.872.821	44.464.584.777
+ Doanh thu theo đơn đặt hàng	27.581.392.728	69.728.565.092
+ Doanh thu hoạt động dịch vụ khác	6.468.767.162	20.507.131.171
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Cộng	50.249.032.711	134.700.281.040

2. Giá vốn hàng bán

	Giai đoạn từ 01/10/2015 đến 31/12/2015	Giai đoạn từ 01/01/2015 đến 30/09/2015
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	46.227.096.830	127.380.491.079
Cộng	46.227.096.830	127.380.491.079



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Giai đoạn từ 01/10/2015 đến 31/12/2015 VND	Giai đoạn từ 01/01/2015 đến 30/09/2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	70.155.104	211.677.130
Cộng	70.155.104	211.677.130

4. Chi phí tài chính

	Giai đoạn từ 01/10/2015 đến 31/12/2015 VND	Giai đoạn từ 01/01/2015 đến 30/09/2015 VND
Chi phí tài chính khác	4.318.636	33.608.613
Cộng	4.318.636	33.608.613

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Giai đoạn từ 01/10/2015 đến 31/12/2015 VND	Giai đoạn từ 01/01/2015 đến 30/09/2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.644.419.241	5.121.435.419
Chi phí vật liệu quản lý	57.281.080	214.369.290
Chi phí đồ dùng văn phòng	40.758.132	69.511.407
Chi phí dịch vụ mua ngoài	432.313.132	878.088.527
Chi phí bằng tiền khác	321.264.300	722.317.756
Cộng	2.496.035.885	7.005.722.399

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)*(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)***6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Giai đoạn từ 01/10/2015 đến 31/12/2015 VND	Giai đoạn từ 01/01/2015 đến 30/09/2015 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.593.916.464	492.136.079
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính	1.521.581.360	280.458.949
- Lợi nhuận từ hoạt động khác	72.335.104	211.677.130
Điều chỉnh các khoản thu nhập chịu thuế	48.000.000	22.420.352
Điều chỉnh tăng	48.000.000	155.941.257
- Chi thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	48.000.000	132.300.000
- Các khoản phạt vi phạm hành chính	-	23.641.257
- Chi phí không hợp lệ khác	-	-
Điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế	1.641.916.464	772.595.028
- Thu nhập chịu thuế hoạt động kinh doanh chính	1.569.581.360	436.400.206
- Thu nhập chịu thuế hoạt động kinh doanh khác	72.335.104	211.677.130
Chi phí thuế TNDN hiện hành	172.871.859	90.208.989
- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh kỳ này	172.871.859	90.208.989
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành kỳ này	-	-

7. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Giai đoạn từ 01/10/2015 đến 31/12/2015	Giai đoạn từ 01/01/2015 đến 30/09/2015
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.421.044.605	-
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(96.251.450)	-
- Điều chỉnh tăng	-	-
- Điều chỉnh giảm (phân chia lợi nhuận liên doanh)	96.251.450	-
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.324.793.155	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.455.264	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	910	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

8. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Giai đoạn từ 01/10/2015 đến 31/12/2015 VND	Giai đoạn từ 01/01/2015 đến 30/09/2015 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.421.044.605	
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế	(96.251.450)	-
- Điều chỉnh tăng		
- Điều chỉnh giảm (phân chia lợi nhuận liên doanh)	96.251.450	
LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	1.324.793.155	
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	1.455.264	
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến phát hành thêm		
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	910	

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Giai đoạn từ 01/10/2015 đến 31/12/2015 VND	Giai đoạn từ 01/01/2015 đến 30/09/2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.871.436.867	18.441.937.050
Chi phí nhân công	27.349.066.894	63.257.267.143
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.206.578.626	3.650.600.286
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.500.938.375	10.260.542.006
Chi phí khác bằng tiền	1.758.840.031	39.923.154.351
Cộng	48.686.860.793	135.533.500.836

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Báo cáo bộ phận**

- *Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh*

Trong kỳ, hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là kinh doanh dịch vụ phục vụ công cộng về vệ sinh, thoát nước đường phố và khu dân cư.

- *Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý*

Trong kỳ, toàn bộ hoạt động của Công ty đều được thực hiện tại thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.

2. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính:

- Rủi ro thị trường;
- Rủi ro tín dụng;



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

- Rủi ro thanh khoản.

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Điều hành thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, giám sát rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

2a. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường đối với hoạt động của Công ty bao gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

2b. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu ứng trước tiền đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

2c. Rủi ro thanh khoản

Để quản lý rủi ro thanh khoản, đáp ứng các nhu cầu về vốn, nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai, Công ty thường xuyên theo dõi và duy trì đủ mức dự phòng tiền, tối ưu hóa các dòng tiền nhận rồi, tận dụng được tín dụng từ khách hàng và đối tác, chủ động kiểm soát các khoản nợ đến hạn, sắp đến hạn trong sự tương quan với tài sản đến hạn và nguồn thu có thể tạo ra trong thời kỳ đó,...

Tổng hợp các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty theo thời hạn thanh toán như sau:



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

31/12/2015	Không quá 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán	655.256.000	-	655.256.000
Chi phí phải trả	13.972.951.227	-	13.972.951.227
Phải trả khác	57.379.894.243	-	57.379.894.243
Cộng	72.008.101.470	0	72.008.101.470

1/10/2015	Không quá 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán	489.123.136	-	489.123.136
Chi phí phải trả	7.207.505.191	-	7.207.505.191
Phải trả khác	59.383.237.450	-	59.383.237.450
Cộng	67.079.865.777	0	67.079.865.777

Giám đốc cho rằng Công ty không có rủi ro thanh khoản và tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tổng hợp các tài sản tài chính hiện có tại Công ty được trình bày trên cơ sở tài sản thuần như sau:

31/12/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	53.782.626.749	-	53.782.626.749
Phải thu khách hàng	9.774.194.287	-	9.774.194.287
Phải thu khác	360.607.918	-	360.607.918
Cộng	63.917.428.954	0	63.917.428.954

1/10/2015	Không quá 1 năm	Trên 1 năm	Tổng
Tiền và các khoản tương đương tiền	40.478.166.094	-	40.478.166.094
Phải thu khách hàng	7.376.731.081	-	7.376.731.081
Phải thu khác	264.320.372	0	264.320.372
Cộng	48.119.217.547	0	48.119.217.547

3. Số liệu so sánh

Kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2015 Công ty chính thức hoạt động theo loại hình công ty cổ phần; Tuy nhiên cho đến thời điểm lập báo cáo này Công ty vẫn chưa hoàn thành biên bản giao số liệu từ Công ty TNHH MTV sang Công ty Cổ phần; Do đó, số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính giai đoạn từ 01/01/2015 đến 30/09/2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán AVN Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các Báo cáo tài chính)

4. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



Đặng Đức Vũ

Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 25 tháng 03 năm 2016

A blue ink signature of Đỗ Văn Tài.

Đỗ Văn Tài

Kế toán trưởng

A blue ink signature of Huỳnh Duy Hải.

Huỳnh Duy Hải

Người lập biểu





XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Đặng Đức Vũ
Tổng Giám đốc